



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

**22**

Tháng 11 - 2012

# **Khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012**

## **Bất động sản - Trang trí nội ngoại thất - Xây dựng & Vật liệu xây dựng**

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2012



Thư trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm

# THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BA**

**22**

**SỐ 22- 11/2012**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 99/2012/NĐ-TTg của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp 5
- Quyết định số 50/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định 7
- Quyết định số 1758/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 9
- Quyết định số 1775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới 12
- Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn 15

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội 16
- Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư và nhà ở xã hội được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

**(Trưởng ban)**

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu đề tài: Tiêu chuẩn TCVN 7024:2012 21 “Clanhke xi măng póc lăng thương phẩm”
- Nghiệm thu Đề tài: Biên soạn “Cẩm nang Kỹ thuật 22 sản xuất gạch Cotto”
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch thoát nước Thủ đô 24 Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Hội nghị Khoa học cán bộ trẻ lần thứ XII - Viện Khoa 25 học công nghệ xây dựng
- Hội thảo “Sử dụng kính tiết kiệm năng lượng cho các 27 công trình xây dựng”
- Hội thảo “Sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến, thân 28 thiện môi trường của ngành xây dựng trong hội nhập và phát triển”
- Vòi phun chuyên dụng cải thiện chất lượng các sản 30 phẩm bê tông

### **Thông tin**

- Thứ trưởng Bộ Lập pháp Hàn Quốc Je Jeongboo 32 đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng
- Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012 33
- Hội thảo Báo cáo kết quả thực hiện Dự án tăng cường 34 năng lực quản lý hợp đồng xây dựng & Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 48/2010/NĐ-CP
- Đô thị phát triển bền vững: Quy hoạch đô thị sáng tạo 36 ở Singapore
- Xây dựng Curitiba (Brazil) trở thành thành phố sinh 38 thái
- Phân tích về quản lý chất lượng thi công công trình xây 40 dựng cao tầng thông qua thực tế công trình
- Tìm hiểu kinh nghiệm công tác quy hoạch sinh thái 43 của nước ngoài



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị định số 99/2012/NĐ-TTg của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp**

Ngày 15/11/2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2012/NĐ-TTg về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Nghị định này quy định Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc phân công cho Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; phân cấp cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giao cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Người đại diện thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước là doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, được Nhà nước đầu tư vốn điều lệ và quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, UBND cấp tỉnh chuyển giao, có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư và vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được giao quản lý; chỉ định và đánh giá hoạt động của Người đại diện, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện, quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện tại các doanh nghiệp được giao quản lý; giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định những nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 20 và khoản 4 Điều 29 Nghị định này; báo cáo để Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp được giao quản lý cũng như chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm. Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do các tổ chức khác nhau làm chủ sở hữu thì mỗi tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tương ứng với phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty TNHH một thành viên, chủ sở hữu nhà nước có quyền quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản, góp vốn vào doanh nghiệp khác; có quyền phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ; có quyền quyết định đầu tư vốn điều lệ, điều chỉnh, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ; có quyền quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty; có quyền quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển; có quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay; có quyền quy định chế



độ tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm; có quyền quy định chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng, quyết định mức lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; có quyền quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích, thiết yếu của nền kinh tế; có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn của công ty, đánh giá Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng công ty. Chủ sở hữu nhà nước có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ cho công ty, tuân thủ Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty, xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu nhà nước và tài sản của công ty; tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay của công ty; bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nghị định này phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước. Cụ thể, Chính phủ có quyền quy định về thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể công ty; ban hành Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của các tập đoàn kinh tế nhà nước và các Tổng công ty; quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật; quy định chế độ quản lý tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ,

chế độ báo cáo và công khai tài chính của công ty, cơ chế giám sát, kiểm tra thực hiện; quy định chế độ tuyển dụng, chế độ tiền lương, tiền thưởng của công ty, tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm dịch vụ công ích, thiết yếu của nền kinh tế; quy định chế độ giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao, quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, tiêu chí đánh giá Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng công ty.

Đối với tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Thủ tướng Chính phủ có quyền và trách nhiệm quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản, phê duyệt Đề án thành lập công ty con 100% vốn nhà nước, phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên; phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ còn có quyền phê duyệt Đề án thành lập công ty TNHH một thành viên do Bộ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập; phê duyệt chủ trương thành lập công ty con 100% vốn nhà nước của tổng công ty

nhà nước, công ty thuộc Bộ, UBND cấp tỉnh theo đề nghị của Bộ, UBND cấp tỉnh; phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty TNHH một thành viên (bao gồm cả Đề án của tập đoàn kinh tế nhà nước) theo đề nghị của Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh; quy định quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty.

Nghị định này cũng quy định quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh; quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động –

Thương binh và Xã hội; quyền và trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

Quyết định này cũng phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và không quá 50% vốn điều lệ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2012.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 50/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định**

Ngày 09/11/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 50/2012/QĐ-TTg về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Quyết định này quy định các trường hợp đặc biệt được áp dụng chỉ định thầu, bao gồm: Gói thầu cấp bách để thực hiện sự kiện quan trọng quốc gia mà sự kiện đó đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định; gói thầu cấp bách triển khai công việc nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền quốc gia, biên giới lãnh thổ, hải đảo; gói thầu chuẩn bị dự án thuộc trường hợp cấp bách cần triển khai thực hiện ngay để đảm bảo thu hút, huy động được vốn của nhà tài trợ nước ngoài; gói thầu cấp bách trực tiếp phục vụ công tác chuẩn bị dự án, xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu để đảm bảo yêu cầu về tiến độ đã xác định đối với các dự án phát triển năng lượng quốc gia; gói thầu cấp bách cung cấp sản phẩm cơ khí do doanh nghiệp trong nước sản xuất, chế tạo phục vụ trực tiếp cho các dự án phát triển năng lượng quốc gia; gói thầu cấp bách chống ùn tắc giao thông để đảm bảo an toàn giao thông ở các thành phố trực thuộc trung ương;

gói thầu mà người có thẩm quyền xét thấy cấp bách không thể tổ chức đấu thầu, cần phải chỉ định thầu để mang lại hiệu quả cao hơn so với việc tổ chức đấu thầu.

Gói thầu được người có thẩm quyền xem xét áp dụng hình thức chỉ định thầu trong phê duyệt kế hoạch đấu thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có quyết định đầu tư được duyệt, trừ gói thầu tư vấn chuẩn bị dự án; nguồn vốn cho gói thầu đã được xác định rõ và bảo đảm bố trí đủ vốn theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu, trường hợp sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ phải tuân thủ quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo thời gian hoàn tất thủ tục chỉ định thầu không quá 45 ngày, trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng; có báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định theo quy định. Riêng đối với gói thầu cấp bách triển khai công việc nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền quốc gia, biên giới lãnh thổ, hải đảo, phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan quốc phòng, an ninh có thẩm quyền.

Quyết định này cũng quy định thủ tục trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu áp dụng chỉ định thầu nêu trên. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao cho người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của gói thầu áp dụng chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc chỉ định thầu các gói thầu nêu trên. Trên cơ sở hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu của chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức thẩm định lập báo cáo thẩm định theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP và thời gian thẩm định theo quy định tại Khoản 6 Điều 31 Luật đấu thầu để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Căn cứ tính cấp bách của gói thầu, chủ đầu tư lập và trình kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu đề nghị áp dụng chỉ định thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này cùng với kế hoạch đấu thầu các gói thầu khác thuộc dự án hoặc trình riêng kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu cần đề nghị áp dụng chỉ định thầu để phê duyệt trước.

Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu đề nghị áp dụng chỉ định thầu bao gồm: tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt, trong đó cần giải trình cụ thể sự cần thiết phải áp dụng hình thức chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt, đối với gói thầu mà người có thẩm quyền xét thấy cấp bách không thể tổ chức đấu thầu, phải giải thích thêm lý do không thể tổ chức đấu thầu được và áp dụng hình thức chỉ định thầu hiệu quả hơn tổ chức đấu thầu, trong đó tính hiệu quả các yếu tố về kinh tế - xã hội, giải trình các mốc thời gian chuẩn bị và phê duyệt hồ sơ yêu cầu, lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác của gói thầu để đảm bảo tính hiệu quả của hình thức chỉ định thầu so với áp dụng hình thức đấu thầu rộng

rãi; số liệu, luận cứ và các tài liệu kèm theo để chứng minh gói thầu đề nghị chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt phù hợp với nội dung giải trình nêu trên và thuộc trường hợp đặc biệt cần chỉ định thầu theo quy định, đồng thời đáp ứng điều kiện áp dụng chỉ định thầu theo quy định.

Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu đề nghị áp dụng chỉ định thầu còn phải có văn bản pháp lý có liên quan như quyết định phê duyệt dự án (trừ trường hợp chỉ định thầu tư vấn chuẩn bị dự án), quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán (trừ trường hợp chỉ định thầu tư vấn thiết kế kỹ thuật và dự toán), quyết định bố trí, phân bổ vốn đầu tư và các văn bản khác có liên quan.

Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu áp dụng chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP. Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch đấu thầu và các văn bản pháp lý có liên quan là cơ sở, căn cứ xem xét trong các cuộc kiểm tra, thanh tra.

Theo quy định tại Quyết định này, trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, bố trí vốn, ký và thực hiện hợp đồng đối với gói thầu chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt mà không đảm bảo được tính cấp bách, khẩn trương, tiến độ và chất lượng như đã nêu trong phần thuyết minh, giải trình trong tờ trình của chủ đầu tư, báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định và trong quyết định phê duyệt của người có thẩm quyền thì chủ đầu tư, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**



## **Quyết định số 1758/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 20/11/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1758/QĐ-TTg về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu phát triển Thủ đô Hà Nội và các tỉnh xung quanh (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái nguyên và Bắc Giang) trên cơ sở có sự phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết về các động lực, cơ hội phát triển, mối quan hệ cung cầu cũng như trách nhiệm giải quyết các khó khăn và thách thức trong vùng theo hướng hài hòa và bền vững; xác định mô hình phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng địa - kinh tế, phân bố lực lượng sản xuất một cách hợp lý và phát huy tối đa tiềm năng của Thủ đô và các địa phương trong vùng; xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của vùng, tạo điều kiện cho các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hóa - xã hội; phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, hạn chế những mặt trái của quá trình đô thị hóa đến môi trường sống, tác động của biến đổi khí hậu nhằm xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội phát triển nhanh, thịnh vượng và có môi trường bền vững.

Theo Quyết định này, các yêu cầu nội dung nghiên cứu điều chỉnh gồm đánh giá thực hiện quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, dự báo phát triển, điều chỉnh định hướng quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đối với công tác đánh giá thực hiện quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, cần đánh giá việc quy

hoạch xây dựng tại các tỉnh, thành phố trong vùng liên quan đến quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội được phê duyệt; đánh giá thực trạng sử dụng đất theo quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội được duyệt và các quy hoạch xây dựng được duyệt có liên quan tại các tỉnh, thành phố trong vùng; đánh giá việc thực hiện quy hoạch các vùng công nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, vùng công nghiệp trọng điểm; đánh giá việc thực hiện tổ chức các không gian du lịch vùng như du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa lễ hội và phát triển hệ thống dịch vụ du lịch; đánh giá tình hình phát triển hệ thống giao thông vùng và các hạng mục về hạ tầng kỹ thuật khác như phòng chống lũ, nền xây dựng, cấp điện, cấp nước, thoát nước mặt, thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn và quản lý nghĩa trang; đánh giá sự biến đổi môi trường mang tính chiến lược về ô nhiễm môi trường tự nhiên, môi trường xã hội do quá trình phát triển đô thị - nông thôn trong vùng; đánh giá công tác quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đã được duyệt.

Đối với công tác dự báo phát triển, cần dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đất đai; dự báo khả năng và quá trình đô thị hóa, các hình thái phát triển theo khả năng đô thị hóa của vùng; dự báo quy mô dân số đô thị, nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng và chiến lược phân bố dân cư của quốc gia cho các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn; dự báo sự thay đổi môi trường tự nhiên do sự tác động của phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với công tác điều chỉnh định hướng quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 cần định hướng quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội, định hướng cơ cấu và kế hoạch sử dụng đất, cần đánh giá môi trường chiến lược, an ninh quốc phòng, tài chính, nguồn lực đầu tư, cần xác định mô hình quản lý vùng. Về định hướng quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, cần đề xuất mô hình liên kết phát triển giữa các đô thị trong cấu trúc quy hoạch vùng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, các định hướng tại các văn kiện của Đại hội Đảng, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các địa phương trong vùng; đề xuất điều chỉnh quy hoạch các khu vực phát triển kinh tế, lựa chọn các trung tâm, các trục chủ đạo, hành lang, vành đai phát triển kinh tế vùng, điều chỉnh tính chất trung tâm cấp vùng của các thành phố trong vùng Thủ đô; đề xuất điều chỉnh vùng công nghiệp đô thị hạt nhân trung tâm, các vùng công nghiệp đối trọng, vùng công nghiệp gắn truyền trực đô thị hóa mạnh của vùng về phía Đông hướng cảng Hải Phòng với các ngành công nghiệp chế tác, chế biến lương thực thực phẩm, vật liệu cao cấp, công nghiệp nhẹ, dịch vụ sản xuất nông nghiệp, phân tích đề xuất điều chỉnh vùng trọng điểm công nghiệp, khu vực công nghệ cao, công nghiệp thủy điện, phát triển các vùng làng nghề truyền thống gắn kết tiểu thủ công nghiệp; định hướng liên kết mạng lưới các đô thị cấp vùng, tỉnh..., xem xét vị thế các đô thị lớn – các đô thị đối trọng trong vùng mở rộng, vấn đề mở rộng quy mô của nhiều đô thị trong vùng, những đô thị lớn đang dần hình thành trong vùng, vấn đề chuyển dịch dân cư mới nội – ngoại vùng và đề xuất hướng giảm tải hiệu quả cho Thủ đô Hà Nội, định hướng phân loại, cấp đô thị và định hướng nâng cấp các đô thị trong vùng trong giai đoạn quy hoạch; bổ sung các đô thị chuyên ngành gắn với các

trung tâm đào tạo, công nghệ cao, công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại, phát triển nhà ở; điều chỉnh định hướng bảo tồn các đặc trưng địa lý, văn hóa, lịch sử vùng kết hợp không gian du lịch vùng, đánh giá hệ thống các giá trị di sản cấp quốc gia và di sản đã được UNESCO công nhận về văn hóa, lịch sử, kiến trúc đô thị - nông thôn trong toàn vùng, xác định các phạm vi và các giải pháp bảo tồn, tôn tạo các giá trị đặc trưng bổ sung đề xuất cho các địa bàn mới, lựa chọn một số dự án trọng điểm và tại các địa phương, khai thác du lịch có cấp độ quốc gia và quốc tế; điều chỉnh và bổ sung mạng lưới các không gian tự nhiên toàn vùng, liên kết mở rộng vùng vành đai xanh từ Thủ đô ra toàn vùng, phân bổ, bảo tồn các đặc trưng vùng cảnh quan nông nghiệp đồng bằng sông Hồng, vùng trung du, rừng quốc gia, hệ thống sông hồ gắn với các chiến lược về cảnh quan, môi trường đối với Thủ đô và vùng Thủ đô trong quá trình đô thị hóa; định hướng phát triển kiến trúc, cảnh quan tại các đô thị và kiến trúc ở các vùng ngoại thành, các khu vực phát triển cụm điểm dân cư nông thôn.

Về định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội, đối với hệ thống giao thông vùng cần xác định hệ thống khung giao thông đồng bộ, phát triển kết nối mạng lưới giao thông của vùng và mạng lưới giao thông của quốc gia gắn với mạng lưới đường bộ liên tỉnh, liên huyện, đảm bảo tính thống nhất về vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy gắn kết trong toàn vùng; đề xuất hoàn chỉnh mạng lưới giao thông công cộng nội vùng bao gồm đường sắt đô thị, xe buýt nhanh kết nối giữa các đô thị với đô thị trung tâm; đề xuất hệ thống sân bay quốc tế, sân bay nội vùng, nghiên cứu sân bay quốc tế dự phòng thứ 2 trong vùng; đề xuất cải tạo nâng cấp mạng lưới giao thông nông thôn hiện có, nâng cấp một số tuyến quan trọng, từng bước đưa vào cấp theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông

nông thôn đáp ứng tiêu chí nông thôn mới. Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng, cần xây dựng tiêu chí xác định các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, xác định quy mô, chức năng và vị trí, xác định trách nhiệm chia sẻ, quản lý và nguồn lực đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng; cần xác định giải pháp bảo vệ những khu vực tự nhiên rừng đầu nguồn, các lưu vực sông, đê điều để phòng chống nguy cơ thiên tai, bảo toàn tài nguyên, nguồn nước, đất đai, bảo vệ các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật quan trọng của quốc gia có nghiên cứu đến yếu tố ứng phó biến đổi khí hậu; điều chỉnh chiến lược cấp nước, năng lượng, các dự án địa điểm nghỉ trang, khu vực xử lý chất thải rắn cấp vùng phù hợp cho vùng. Đối với hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, cần xây dựng tiêu chí xác định các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng, xác định quy mô, chức năng và vị trí; đánh giá giải pháp đảm bảo phát triển quỹ nhà ở, quỹ đất ở phù hợp với định hướng phát triển nhà ở toàn quốc, quan tâm tới các nhu cầu nhà ở của người có thu nhập thấp; nghiên cứu tổ chức các trung tâm đào tạo của vùng, xác định vị trí các trường đào tạo công nghệ cao, đào tạo dịch vụ có trình độ quốc tế; nghiên cứu định hướng các trung tâm y tế, điều dưỡng chất lượng cao, các trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm, các trung tâm văn hóa giải trí lớn, các trung tâm thể thao tầm cỡ quốc tế đặc trưng cho vùng Thủ đô để đáp ứng nhu cầu nhân dân cũng như bố trí các sự kiện quốc tế; đề xuất có tính khả thi đối với việc chia sẻ hạ tầng xã hội tại các tỉnh để phát triển các khu vực đại học, các dịch vụ y tế nhằm giảm tải cho Thủ đô Hà Nội.

Định hướng cơ cấu và kế hoạch sử dụng đất toàn vùng và từng địa phương trên cơ sở phát triển mạng lưới đô thị cân đối, hài hòa trên toàn vùng nhằm sử dụng đất đai tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình đô thị hóa; khoanh vùng bảo vệ các khu vực như khu vực an ninh - quốc phòng, vườn quốc gia, rừng phòng hộ, rừng

đặc dụng, di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, cảnh quan thiên nhiên có giá trị; có giải pháp hợp lý đối với việc phát triển đô thị tại các vùng tiềm năng khai thác khoáng sản đảm bảo diện tích đất nông nghiệp. Để đánh giá môi trường chiến lược, cần xây dựng tiêu chí, đánh giá sự phù hợp của các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch vùng với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường, đánh giá tác động của môi trường chính khi triển khai quy hoạch, đề xuất điều chỉnh nội dung sử dụng đất, phương án phát triển không gian, phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với mục tiêu bảo vệ môi trường; rà soát các quy hoạch gắn với bảo vệ môi trường các lưu vực sông, các rừng quốc gia, phòng hộ, rừng trồng, các nguồn tài nguyên khoáng sản lớn; rà soát và nghiên cứu kiểm soát ô nhiễm môi trường các khu công nghiệp, chế xuất, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trong vùng, giải quyết và đề xuất các giải pháp kiểm soát ô nhiễm giao thông; đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với vùng Thủ đô Hà Nội, đề xuất các giải pháp nhằm ứng phó với vấn đề này.

Theo Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình chỉ đạo việc lập, thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đảm bảo chất lượng và tiến độ; tổng hợp, lồng ghép các nội dung tham gia nghiên cứu các Bộ, ngành liên quan và địa phương trong vùng trong quá trình lập, thẩm định điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội và bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và các hoạt động khác có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Quyết định số 1775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới**

Ngày 21/11/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1775/QĐ-TTg phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới trên quan điểm: Quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính phải phù hợp với chiến lược, chính sách, bối cảnh trong nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, hướng tới phát triển nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh; được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho từng giai đoạn đối với các nguồn phát thải khí nhà kính chủ yếu trong các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất, lâm nghiệp và chất thải; nhà nước đảm bảo các nguồn lực cần thiết, khuyến khích và huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, hỗ trợ của quốc tế về tài chính, công nghệ, tăng cường năng lực trong việc quản lý phát thải khí nhà kính; tăng cường công tác quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon trên cơ sở thực hiện đúng các quy định trong nước và thế giới, hình thành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới.

Quyết định nêu rõ các mục tiêu cụ thể về quản lý phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới. Về quản lý phát thải khí nhà kính, phải tăng cường năng lực kiểm kê khí thải nhà kính quốc gia cho các Bộ, ngành, địa phương có liên quan trong hệ thống kiểm kê quốc gia khí nhà kính; phổ biến, áp dụng các công nghệ giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính tiềm năng tại Việt Nam; xây dựng khung chương trình các hành động giảm

nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hoàn cảnh quốc gia (NAMA) của Việt Nam và đăng ký, triển khai mở rộng các NAMA, thực hiện báo cáo định kỳ về biến đổi khí hậu và cập nhật các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong nước; hình thành và đưa vào hoạt động hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm tra cấp quốc gia; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính và chuyển giao công nghệ của quốc tế trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Về quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới, cần đạt được các mục tiêu: nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý đối với hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon được tạo ra từ Cơ chế phát triển sạch thuộc Nghị định thư Kyoto, xây dựng, ban hành các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đầu tư, kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới; góp phần phát triển bền vững đất nước từ các lợi ích thu được thông qua hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới.

Nội dung quản lý phát thải khí nhà kính bao gồm: Kiểm kê quốc gia khí thải nhà kính cho năm cơ sở 2005 theo hướng dẫn của IPCC, đánh giá và phân loại các nguồn phát thải và bề hấp thụ khí nhà kính chủ yếu ở trong nước thuộc các lĩnh vực năng lượng, các quá trình công nghiệp, nông nghiệp, LULUCF và chất thải; xây dựng kịch bản phát thải cơ sở đến năm 2020 cho các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, LULUCF và chất thải; xây dựng kế

hoạch thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ; thực hiện một số mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính cụ thể cho các lĩnh vực chủ yếu trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, nông nghiệp, chất thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính trong lĩnh vực LULUCF đến năm 2020 phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh quốc gia và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Để đạt được mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và giao thông vận tải so với năm 2005 là 8%, cần tăng cường hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng, bảo tồn năng lượng; phát triển năng lượng tái tạo, chuyển đổi sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất điện, sử dụng khí đồng hành trong khai thác dầu, phát triển giao thông công cộng, sử dụng khí hóa lỏng thay thế xăng, dầu DO cho các phương tiện vận tải hành khách, sản xuất vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị. Để đạt mục tiêu giảm 20% phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp so với năm 2005, cần ứng dụng các biện pháp canh tác lúa tiên tiến theo hướng tiết kiệm nước và giảm chi phí đầu vào; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả sử dụng phân đạm, giảm phát thải N<sub>2</sub>O trong canh tác lúa; ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu trong làm đất, tưới nước cho các cây trồng công nghiệp, phát triển và ứng dụng các biện pháp canh tác tối thiểu nhằm giảm phát thải khí nhà kính; thu gom, tái chế, tái sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp, phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hữu cơ trong canh tác rau màu, mía, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày; thay đổi khẩu phần thức ăn trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; phát triển công nghệ khí sinh học và hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý phân chuồng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Để đạt mục tiêu tăng 20% khả năng hấp thụ khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất, lâm nghiệp so với năm 2005, cần bảo vệ, trồng rừng, tái trồng rừng, đẩy

manh phục hồi rừng, tái sinh tự nhiên; giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng.

Để đạt mục tiêu giảm 5% phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải so với năm 2005, cần thu hồi và sử dụng khí mê-tan từ các bãi chôn lấp rác, xử lý nước thải công nghiệp.

Ngoài ra, để quản lý phát thải khí nhà kính, cần đánh giá nhu cầu công nghệ, phổ biến, áp dụng các công nghệ giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính tiềm năng tại Việt Nam và xây dựng khung chương trình các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hoàn cảnh quốc gia Việt Nam, đăng ký và triển khai hoạt động các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hoàn cảnh quốc gia; thiết lập hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm tra bao gồm cấp quốc gia và cấp ngành; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức, trách nhiệm, nâng cao nhận thức về quản lý phát thải khí nhà kính theo các nhóm đối tượng.

Quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới, cần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon được tạo ra từ dự án CDM trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto; rà soát, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của thị trường tín chỉ các-bon tự nguyện, xây dựng chính sách nhằm tạo điều kiện cho các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào dự án kinh doanh tín chỉ các-bon từ rừng theo hướng xã hội hóa công tác bảo vệ, phát triển rừng, huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác này, xây dựng các quy định và hướng dẫn về quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon được tạo ra từ các dự án, chương trình ngoài khuôn khổ Nghị định thư Kyoto.



Các giải pháp thực hiện Đề án bao gồm rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách phục vụ công tác quản lý nhà nước về quản lý phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới phù hợp với tình hình mới sau năm 2012; huy động các nguồn lực tài chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính, kinh doanh tín chỉ các-bon; phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quản lý phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon, nâng cao kiến thức quản lý nhà nước cho các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ về việc quản lý phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon; thực hiện đa dạng hóa, tiếp cận theo nhiều cách thức các chương trình, hoạt động về tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng về giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính và kinh doanh tín chỉ các-bon; ứng dụng và phát triển công nghệ giảm phát thải khí nhà kính trên cơ sở đánh giá nhu cầu công nghệ và nghiên cứu, xây dựng và đánh giá một số phương án giảm khí nhà kính tiềm năng với chi phí thấp, hiệu quả, phù hợp với điều kiện quốc gia trong các lĩnh vực; nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương đối với các hoạt động giảm phát thải, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính và kinh doanh tín chỉ các-bon của các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan; thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính, chuyển giao công nghệ cho các hoạt động giảm phát thải, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính và kinh doanh tín chỉ các-bon nhằm phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh.

Về tiến độ thực hiện Đề án, giai đoạn 2012

– 2015 ưu tiên triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức, trách nhiệm thực hiện giảm phát thải khí nhà kính của các cấp, các ngành, các địa phương và doanh nghiệp; thiết lập hệ thống kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm kê quốc gia khí nhà kính cho năm cơ sở 2005; xây dựng kịch bản phát thải cơ sở đến năm 2020 cho các lĩnh vực; nghiên cứu, phát triển, phổ biến và áp dụng các công nghệ giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính tiềm năng được lựa chọn trong các lĩnh vực; xây dựng khung chương trình NAMA của Việt Nam và hệ thống MRV cấp quốc gia, cấp ngành liên quan cho NAMA; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về việc xây dựng và thực hiện các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon theo đúng các quy định trong nước và quốc tế; rà soát, đánh giá và hoàn thiện hệ thống pháp lý về cơ chế chính sách đối với các dự án CDM; xây dựng cơ chế, chính sách tài chính để hình thành và vận hành thị trường các-bon; nâng cao năng lực của các nhà hoạch định chính sách, cán bộ quản lý của các Bộ, ngành, địa phương trong công việc quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý kinh doanh tín chỉ các-bon trong và ngoài khuôn khổ Nghị định thư Kyoto. Giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục triển khai sâu, rộng các nội dung chính của Đề án.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức thực hiện Đề án, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án ở các Bộ, ngành, các địa phương.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn**

Ngày 21/11/2012, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 08/2012/TT-BXD hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị và khu công nghiệp.

Thông tư nêu rõ các yêu cầu về bảo đảm cấp nước an toàn, bao gồm: bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, cung cấp ổn định, đủ lượng nước và bảo đảm chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định; có các giải pháp đối phó với các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến khách hàng sử dụng nước; góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội; góp phần giảm tỉ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

Theo Thông tư này, kế hoạch cấp nước an toàn bao gồm các nội dung: Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước (nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước; sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước; các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước); Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước (các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực; các nguy cơ, rủi ro về mặt hóa học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước; các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước; xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa); Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng (rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng

ngừa và khắc phục đang áp dụng; đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung; lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro); Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro; lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp (phát hiện và thông báo sự cố; bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng; xác định nguyên nhân sự cố; xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố; thực hiện các hành động ứng phó; xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; xác định hậu quả trước mắt và lâu dài; giải trình, báo cáo; lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục; đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai); Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn (chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác; các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định; các yêu cầu về quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý ISO:9000); Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn (lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn; xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu; lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ; lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết; lưu giữ hồ sơ, quản

lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước; xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng); Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai (chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu sự cố, rủi ro; chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn; chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn); Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo.

Theo hướng dẫn tại Thông tư, kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Ban chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh có

nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, tổng kết, đánh giá các kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, chỉ đạo khắc phục xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước tại vị trí thu nước của công trình cấp nước và các công trình thuộc hệ thống cấp nước; huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình, dự án trong kế hoạch cấp nước an toàn; lập kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo hàng năm và trình UBND cấp tỉnh phê duyệt; chỉ đạo việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

Thông tư cũng quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc lập, phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/01/2013.

(Xem toàn văn tại [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Ngày 12/11/2012, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn

thành phố Hà Nội.

Quyết định này quy định quản lý cho thuê nhà chuyên dùng; sửa chữa bảo trì, xây dựng cải tạo lại nhà chuyên dùng; sắp xếp lại, thu hồi điều chuyển, bán nhà, chuyển nhượng

quyền sử dụng đất nhà chuyên dùng; lập, lưu trữ hồ sơ và chế độ báo cáo công tác quản lý nhà chuyên dùng.

Việc quản lý cho thuê nhà chuyên dùng thực hiện thông qua hợp đồng thuê nhà được ký kết giữa đơn vị quản lý nhà là Công ty TNHH một thành viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội với bên thuê nhà là tổ chức, cá nhân sử dụng nhà chuyên dùng. Hợp đồng thuê nhà (với thời hạn tối đa không quá 3 năm) được lập theo mẫu do Sở Xây dựng và Sở Tư pháp thống nhất ban hành cùng với việc hướng dẫn quy trình ký hợp đồng thuê nhà chuyên dùng. Giá cho thuê nhà được xác định theo nguyên tắc phù hợp với thị trường và theo vị trí, khu vực nhà đất, phải bao gồm các chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, sửa chữa bảo trì, quản lý, có tính đến lợi thế thương mại. UBND thành phố quyết định ban hành bảng giá cho thuê nhà sát với thị trường. Giá cho thuê nhà được xác định khi lập hợp đồng cho thuê nhà và được giữ ổn định theo thời gian hợp đồng thuê có hiệu lực. Hết thời hạn thuê nhà, trường hợp được ký lại hợp đồng thì giá cho thuê xác định theo giá do UBND thành phố quy định tại thời điểm ký lại hợp đồng. Hợp đồng thuê nhà chuyên dùng chấm dứt trước thời hạn và thu hồi lại diện tích nhà đất cho Nhà nước khi UBND có quyết định thu hồi nhà chuyên dùng phục vụ mục đích giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án cải tạo nhà, sử dụng nhà vào mục đích khác, khi tổ chức thuê nhà chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc cá nhân thuê nhà chết và không có ai cùng chung sống, khi nhà cho thuê phải phá dỡ do bị hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ hoặc do thực hiện quy hoạch xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với công tác sửa chữa bảo trì nhà chuyên dùng, hàng năm đơn vị quản lý nhà phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát tình trạng nhà chuyên dùng để lập danh mục công trình cần sửa chữa bảo trì. Trình tự triển khai công tác lập kế hoạch và tổ chức sửa

chữa bảo trì nhà chuyên dùng thực hiện theo quy định hiện hành về công tác đặt hàng cung ứng dịch vụ đối với các hoạt động quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước. Trường hợp những hư hỏng có nguyên nhân do tổ chức thuê nhà gây ra, tổ chức thuê nhà có trách nhiệm sửa chữa lại nguyên trạng ban đầu theo yêu cầu và giám sát của đơn vị quản lý nhà.

Đối với nhà chuyên dùng bị hư hỏng, xuống cấp, kết cấu không bảo đảm an toàn cho sử dụng hoặc nhà chuyên dùng có khả năng xây dựng tăng diện tích sử dụng, sẽ được lập dự án đầu tư cải tạo xây dựng lại theo quyết định của UBND thành phố. Thời gian sửa chữa, xây dựng cải tạo nhà chuyên dùng từ 01 tháng trở lên, tổ chức thuê nhà phải di chuyển người và tài sản ra khỏi nhà để bàn giao mặt bằng nhà cho đơn vị quản lý nhà để thực hiện thi công. Trong thời gian ngừng hoạt động kinh doanh do thi công sửa chữa nhà thuê, tổ chức thuê nhà không phải trả tiền thuê nhà và bên cho thuê nhà không phải bồi thường, hỗ trợ bất cứ khoản kinh phí nào do việc ngừng hoạt động kinh doanh.

Việc sắp xếp lại, thu hồi, điều chuyển; bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và công năng sử dụng nhà chuyên dùng được thực hiện theo quy định hiện hành. Đơn vị quản lý nhà hoặc tổ chức thuê, sử dụng nhà là tổ chức, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm rà soát, sắp xếp lại quỹ nhà chuyên dùng đang quản lý, đang thuê bảo đảm sử dụng nhà hiệu quả và tuân thủ theo các quy định liên quan hiện hành. Nhà chuyên dùng bị thu hồi trong các trường hợp tổ chức thuê nhà có hành vi vi phạm hợp đồng thuê nhà bị đơn vị quản lý nhà đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo quy định, đơn vị quản lý nhà chấm dứt, thanh lý hợp đồng thuê nhà trước thời hạn theo quy định, nhà chuyên dùng thuộc diện thu hồi xử lý theo quyết định của UBND thành phố phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý theo quy định. Việc

xem xét bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được căn cứ theo đúng quy định hiện hành.

Theo quy định tại Quyết định này, nhà chuyên dùng phải được lập hồ sơ để phục vụ cho công tác quản lý. Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội là đơn vị lập hồ sơ quản lý nhà chuyên dùng. Hồ sơ quản lý nhà chuyên dùng bao gồm hồ sơ quản lý hiện có, được hoàn thiện theo yêu cầu và thường xuyên bổ sung, cập nhật trong quá trình quản lý, gồm các giấy tờ liên quan của công trình, hồ sơ sử dụng đất; hợp đồng thuê nhà cập nhật qua các giai đoạn; hồ sơ pháp nhân của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê sử dụng nhà; ảnh chụp toàn cảnh mặt chính và mô tả công trình liên kế và nội thất công trình; bản vẽ của cơ quan có chức năng; biên bản kiểm tra xác định hiện trạng sử dụng nhà tại các thời điểm kiểm tra, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền; các văn bản, báo cáo của đơn vị quản

lý nhà và của cơ quan liên quan; các tài liệu liên quan đến việc phê duyệt dự án, thiết kế, bản vẽ hoàn công, quyết toán, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nếu có); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Quyết định này cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý nhà chuyên dùng như UBND thành phố, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH một thành viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê nhà cũng như các quy định về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.thudo.gov.vn](http://www.thudo.gov.vn))

**Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư và nhà ở xã hội được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Ngày 20/11/2012, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư và nhà ở xã hội được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo quy định tại Quy chế này, phần diện tích kinh doanh dịch vụ tổ chức đấu giá là phần diện tích còn lại bên trong các nhà chung cư tái định cư và nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi đã trừ đi phần diện tích dành

cho mục đích phục vụ công tác quản lý, vận hành, bảo vệ hệ thống thiết bị kỹ thuật của tòa nhà và phục vụ công cộng (diện tích để sinh hoạt cộng đồng dân cư, diện tích để phương tiện giao thông của các hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong tòa nhà). Phần diện tích này được xác định cụ thể về công năng sử dụng trong hồ sơ thiết kế của tòa nhà.

Quy chế quy định Hội đồng đấu giá cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ do lãnh đạo Sở Xây dựng là Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà



Hà Nội là Phó Chủ tịch Hội đồng, đại diện Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường là thành viên Hội đồng. Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội là đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá thuê diện tích kinh doanh dịch vụ, có nhiệm vụ xác định cụ thể vị trí, kích thước, diện tích và hồ sơ liên quan đến diện tích được tổ chức đấu giá; lập kế hoạch đấu giá báo cáo Hội đồng đấu giá; thông báo tổ chức đấu giá; lập hồ sơ mời đấu giá, tổ chức việc đăng ký tham gia đấu giá, thu phí đấu giá; lập dự trù kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá hàng năm, báo cáo Sở Tài chính thẩm định và phê duyệt; xác định giá sàn và bước giá, thời gian khai thác, sử dụng, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt; trực tiếp tổ chức thực hiện phiên đấu giá và phân công người trực tiếp điều hành, thư ký ghi biên bản phiên đấu giá; báo cáo kết quả thực hiện lên Hội đồng đấu giá để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các thủ tục ký hợp đồng, bàn giao diện tích kinh doanh dịch vụ cho người trúng giá quyền thuê căn cứ vào kết quả phiên đấu giá được duyệt.

Quy chế này quy định trước khi tiến hành đấu giá tối thiểu là 15 ngày, Công ty Quản lý và phát triển nhà Hà Nội phải thông báo công khai việc tổ chức đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại địa điểm nhà sẽ tổ chức đấu giá. Nội dung thông báo công khai gồm địa điểm, diện tích, kích thước, ranh giới, mục đích sử dụng, thời gian, địa điểm đăng ký, thời điểm tiến hành đấu giá, mức giá khởi điểm, bước giá, mục đích sử dụng và thời gian khai thác sử dụng phần diện tích đấu giá và các thông tin khác có liên quan đến diện tích kinh doanh dịch vụ được tổ chức đấu giá.

Giá sàn để tổ chức đấu giá cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ, được xác định trên cơ sở giá cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư và nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố do UBND thành phố ban hành hàng năm. Tại thời điểm đấu giá, nếu mức giá cho thuê nhà ban hành hàng năm

không phù hợp với giá thị trường thì giá sàn được điều chỉnh nhân với hệ số  $K = 1,1; 1,2; 1,3; 1,4; 1,5$ . Bước giá là khoản tiền chênh lệch tối thiểu giữa mức giá trả so với mức giá khởi điểm. Số tiền quy định về bước giá là 10% giá sàn quy định. Thời hạn thuê khai thác sử dụng công trình không quá 5 năm đối với trường hợp trả tiền thuê hàng năm và không quá 10 năm đối với trường hợp trả tiền thuê 1 lần cho cả thời gian thuê.

Quy chế cũng quy định trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện phiên đấu giá và xử lý các tình huống trong đấu giá. Trường hợp có 2 người trở lên cùng trả một giá cao nhất, người điều hành phiên đấu giá tổ chức rút thăm cho những người đó, và công bố kết quả người trúng đấu giá. Trường hợp người trúng đấu giá từ chối không nhận thuê diện tích kinh doanh dịch vụ hoặc rút lại giá đã trả thì người bỏ giá thấp hơn liền kề được Hội đồng đấu giá xem xét phê duyệt trúng đấu giá bổ sung, nếu mức giá trả liền kề không thấp hơn giá khởi điểm một bước giá. Nếu người trúng đấu giá bổ sung từ chối không nhận quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ thì Hội đồng đấu giá ra văn bản hủy bỏ kết quả trúng đấu giá, và tổ chức đấu giá lại vào một thời điểm khác. Người tham gia đấu giá được quyền đăng ký đấu giá nhiều diện tích khác nhau. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng phiên đấu giá, Hội đồng đấu giá quyết định việc quy định trong nội quy đấu giá cho phép những người tham gia đấu giá, nhưng không trúng đấu giá diện tích kinh doanh dịch vụ trước, nếu không vi phạm quy chế đấu giá thì được quyền tham gia đấu giá diện tích kinh doanh dịch vụ sau và phải nộp thêm phí đấu giá theo quy định. Trường hợp sau 2 lần tổ chức đấu giá không thành thì Sở Xây dựng đề xuất cho đơn vị thuê theo hình thức chỉ định với mức giá cho thuê là giá sàn.

Quy chế quy định quyền lợi và trách nhiệm của người trúng đấu giá. Về quyền lợi, người trúng đấu giá được thuê, sử dụng diện tích kinh doanh dịch vụ theo kết quả trúng đấu giá thuê

do Sở Xây dựng phê duyệt. Khi thời hạn sử dụng theo hợp đồng thuê đã ký kết thúc, nếu bên thuê có nhu cầu thuê tiếp, bên thuê tiếp tục thực hiện đấu giá theo quy định và được ưu tiên khi xét giá. Giá thuê mới căn cứ vào kết quả đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại thời điểm đấu giá trong cùng khu vực gần nhất. Trường hợp trong khu vực không tổ chức đấu giá quyền thuê, Hội đồng đấu giá xác định giá cho thuê mới, trình UBND Thành phố xem xét phê duyệt. Trong thời gian bên thuê đang sử dụng phần diện tích kinh doanh dịch vụ (chưa hết hạn hợp đồng), nếu UBND Thành phố thu hồi lại, bên thuê sẽ được bồi hoàn các khoản chi phí đầu tư vào diện tích được thuê căn cứ vào hợp đồng đã ký và phần giá trị còn lại (theo thời gian khấu hao là 5 năm và các hóa đơn, chứng từ liên quan). Trường hợp nộp trước tiền thuê nhà cho cả thời gian thuê thì được phép chuyển nhượng quyền thuê nhà trong thời gian còn lại của hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm, người trúng đấu giá phải thực hiện theo đúng các cam kết khi tham gia đấu giá, kết quả trúng

đấu giá, hợp đồng ký kết với đơn vị quản lý nhà; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính khi thuê nhà, bảo đảm nguyên trạng tài sản Nhà nước, kết cấu công trình, thu các khoản kinh doanh phải đúng quy định về giá, phí, lệ phí do Nhà nước quy định và theo đúng quy định về quản lý nhà chung cư tái định cư, nhà ở xã hội của Thành phố; có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng phần diện tích đã thuê theo hợp đồng khi hết thời hạn thuê và không được bồi hoàn bất kỳ khoản chi phí đầu tư nào của bên thuê đối với phần diện tích đã thuê. Trường hợp người thuê trả nhà trước thời hạn hợp đồng, phải thực hiện theo quy định cụ thể trong hợp đồng thuê và không được hoàn trả số tiền nhà đã nộp hàng năm, không được bồi hoàn các khoản đầu tư trên phần diện tích thuê.

Quy chế cũng quy định xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo và trách nhiệm của các sở, ngành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.thudo.gov.vn](http://www.thudo.gov.vn))**

## **Nghiệm thu đề tài: Tiêu chuẩn TCVN 7024:2012 “Clanhke xi măng poóc lăng thương phẩm”**

Ngày 16/11/2012, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu các kết quả của Đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn TCVN 7024:2012 “Clanhke xi măng poóc lăng thương phẩm” mã số TBT 07-11 do Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Lê Đức Thịnh - chủ nhiệm đề tài, bên cạnh sự phát triển của ngành xây dựng trong thời kỳ hội nhập và đổi mới, nhu cầu về xi măng của Việt Nam cũng tăng nhanh chóng, dẫn tới sự gia tăng nhu cầu mua bán, trao đổi clanhke của thị trường xây dựng trong và ngoài nước. Để quản lý chất lượng clanhke lưu thông trên thị trường nội địa, Nhà nước đã ban hành tiêu chuẩn TCVN 7024:2002 “Clanhke xi măng poóc lăng thương phẩm” để làm cơ sở pháp lý đánh giá chất lượng sản phẩm nội và ngoại nhập. Qua 10 năm, tiêu chuẩn này đã không còn phù hợp về một số nội dung kỹ thuật; vì vậy, việc soát xét lại tiêu chuẩn là cần thiết, nhằm cập nhật các nội dung kỹ thuật cần quản lý đối với clanhke thương phẩm, tạo sự đồng bộ trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và hội nhập với tiêu chuẩn quốc tế.

Thay mặt nhóm đề tài, ThS. Lê Đức Thịnh đã trình bày với Hội đồng phương pháp xây dựng tiêu chuẩn; theo đó tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên phương pháp vừa soát xét lại các nội dung của TCVN 7024:2002, vừa đối chiếu với tình hình sản xuất và tiêu dùng mặt hàng clanhke xi măng poóc lăng, cũng như hệ thống Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, kết hợp tham khảo các tiêu chuẩn về sản phẩm cùng loại của nước ngoài (Trung Quốc, Hoa Kỳ, một số nước châu



*Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng*

Âu...). Nội dung soát xét đúng theo bố cục của một tiêu chuẩn quốc gia, bao gồm phạm vi áp dụng; tài liệu viện dẫn; thuật ngữ và định nghĩa; phân loại; yêu cầu kỹ thuật; phương pháp thử; và phần phụ lục, tài liệu tham khảo. Trong một số nội dung thành phần, nhóm đề tài đã có những nghiên cứu sâu và đưa ra những đề xuất rất cụ thể:

Về thuật ngữ, định nghĩa: nhóm đưa ra 3 thuật ngữ (clanhke xi măng poóc lăng thương phẩm, hoạt tính cường độ của clanhke và chỉ số nghiền của clanhke) trên cơ sở kế thừa phần Quy định chung của phiên bản tiêu chuẩn cũ. Trong đó, thuật ngữ hoạt tính cường độ bổ sung thêm các quy định về sai số cho tỷ lệ pha thạch cao tính theo  $SO_3$  và độ mịn chỉ còn theo phương pháp Blaine. Lý do là trong thực tế, rất khó để có thể chế tạo được mẫu xi măng để thử có tỷ lệ cố định là 2%.

Về yêu cầu kỹ thuật: trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn clanhke của Trung Quốc (GB/T 21372 – 2008), tiêu chuẩn xi măng poóc lăng Hoa Kỳ (ASTM C150 - 11), TCVN 7024:2002 cùng một số tiêu chuẩn xi măng poóc lăng có liên quan tương ứng, nhóm đề tài đã xây dựng yêu cầu kỹ thuật đối với các chủng loại clanhke xi măng poóc lăng thương phẩm thành hai

nhóm; nhóm 1 - Yêu cầu kỹ thuật cơ bản (bao gồm các quy định về thành phần hóa học, tính chất cơ lý, độ ẩm và “độ sạch” của clanhke; và nhóm 2 - Yêu cầu kỹ thuật tùy chọn bổ sung (với các quy định về thành phần hóa học bổ sung - nếu có các đặc thù riêng, cỡ hạt clanhke và chỉ số nghiền). Mục đích của việc phân mức là nhằm quản lý chất lượng các chủng loại clanhke một cách hiệu quả hơn. Đây là điểm đổi mới so với tiêu chuẩn cũ - vốn chỉ quy định về xi măng pooc lăng nói chung chứ không cụ thể, chi tiết từng loại clanhke.

Các ý kiến phản biện và ý kiến của Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính thiết thực và cập nhật của đề tài. Đề tài được hoàn thiện, đúng với tinh thần của một văn bản pháp

quy, các thành viên Hội đồng đã góp ý về tính chính xác của một số thuật ngữ, định nghĩa, thông số trong các yêu cầu kỹ thuật (giới hạn độ mịn khi xác định hoạt tính cường độ của mẫu xi măng nghiền thí nghiệm theo phương pháp Blaine; một số phương pháp thử...).

Kết luận cuộc họp, ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch HĐNT nhất trí với đánh giá của các thành viên Hội đồng; và đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa một số nội dung trong thuyết minh, hoàn thiện đề tài trong thời hạn sớm nhất.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả Xuất sắc.

Lệ Minh

## **Nghiệm thu Đề tài: Biên soạn “Cẩm nang Kỹ thuật sản xuất gạch Cotto”**

Ngày 16/11/2012, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu kết quả của Đề tài biên soạn “Cẩm nang Kỹ thuật sản xuất gạch Cotto” do Hiệp hội Gốm sứ xây dựng Việt Nam thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường - Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Trong phần báo cáo tổng kết Đề tài, chủ nhiệm Đề tài - ThS. Trần Quốc Khánh cho biết, gạch Cotto là một chủng loại sản phẩm gốm thô được sử dụng chủ yếu để lát nền và ốp tường trang trí. So với các chủng loại gốm thô khác thì gạch Cotto là loại gạch có chất lượng cao về tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như giá trị thẩm mỹ, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại. Công nghệ sản xuất gạch Cotto là công nghệ mới, hiện đại, có tính tự động hóa khá cao. Điểm mới của công nghệ dựa trên việc sấy nhanh gạch mộc vừa tạo hình dẻo với độ ẩm 17-19% và nung trong lò nung thanh lăn, chu kỳ sản xuất từ khâu tạo hình đến khâu kết thúc sau nung chỉ từ 120-210 phút.



*Chủ nhiệm Đề tài Trần Quốc Khánh báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu*

Thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Trần Quốc Khánh đã trình bày trước Hội đồng về các chi tiết công nghệ sản xuất gạch Cotto với các công đoạn chính như gia công nguyên liệu, tạo hình mộc, sấy gạch mộc, nung sản phẩm, phân loại và đóng gói sản phẩm, và mỗi công đoạn đều được trình bày với đầy đủ sơ đồ, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật để có thể đánh giá được công đoạn có hoàn thành hay không. Trong công đoạn gia công nguyên liệu, đất sét sau khi khai thác được chuyển về kho chứa của

nhà máy và được để phong hóa tự nhiên. Nguyên liệu được máy đảo trộn và vằm nhỏ đến cỡ cục nguyên liệu yêu cầu, được phối để giảm độ ẩm trong điều kiện tự nhiên cho đến khi độ ẩm của nguyên liệu dưới 10%. Nguyên liệu được chuyển về kho chứa đổ thành đồng cao và riêng rẽ từng chủng loại và tiếp tục đảo trộn để tạo độ đồng đều trước khi đưa vào gia công. Sa mốt sau khi sơ chế được vận chuyển vào kho dự trữ, sau đó được máy xúc bánh lốp đưa từng loại và cấp liệu để trộn vào phối liệu. Sau khi ra khỏi cấp liệu, từng loại nguyên liệu thô được định lượng nhờ thiết bị băng cân định lượng theo tỉ lệ tính trước. Nguyên liệu thô được khử sắt để đảm bảo an toàn cho các thiết bị sản xuất tiếp theo trong dây chuyền. Tiếp theo, nguyên liệu thô được đưa vào máy nghiền sơ cấp, tại đây nguyên liệu thô, đất sét và sa mốt được đập nhỏ và được trộn đều với nhau thành phối liệu. Bột phối liệu được đưa vào gầu nâng để chuyển lên hệ thống sàng rung. Bột phối liệu được lưu lại một thời gian để làm đồng nhất độ ẩm giữa các hạt phối liệu nhằm đảm bảo được tính dẻo của phối liệu trước tạo hình. Tại công đoạn tạo hình sản phẩm, bột phối liệu sau khi gia công được trộn đều với nước tạo thành phối liệu dẻo. Sau khi trộn ẩm, phối liệu dẻo được cấp liệu loại AT1 đưa vào băng tải cao su đưa đến máy nhào 2 trục, tại đây phối liệu một lần nữa được nhào trộn để tăng tính đồng nhất về độ ẩm và độ đồng đều giữa các thành phần nguyên liệu trong phối liệu. Sau khi được chân không hóa, phối liệu được nhồi ép và nén chặt nhờ lực ép một chiều của cánh xoắn trong máy đùn ép tạo nên độ đặc chắc của phối liệu trước khi tạo ra hình dáng sản phẩm. Sau khi được tạo hình, phối liệu được đưa đến máy cắt tự động để tạo nên kích thước chính xác cho mỗi loại gạch mộc. Gạch mộc sau khi cắt đạt yêu cầu được hệ băng chuyền đưa đến thiết bị cấp gạch cho lò sấy. Tại công đoạn sấy sản phẩm mộc, hệ thống băng chuyền đưa sản phẩm gạch mộc tới thiết bị cấp tải tự động cho lò sấy lạnh lần 4

tầng. Gạch mộc được di chuyển liên tục dọc theo lò sấy và được sấy theo biểu đồ sấy lập trước. Nhiệt cung cấp cho lò sấy được tạo ra nhờ các vòi đốt của bầu đốt, một phần khí nóng được lấy từ vùng tiền nung và vùng làm nguội sản phẩm của lò nung sang. Khí nóng được cấp vào bằng cách thổi trực tiếp và vuông góc với bề mặt sản phẩm nhờ hệ thống các ống cấp khí nóng cho mỗi tầng khác nhau. Khí thải được lấy ra theo đường song song với chiều chuyển động của sản phẩm. Độ ẩm của sản phẩm mộc được giảm từ độ ẩm tạo hình là 17-19% đến độ ẩm nhỏ hơn 1%, đảm bảo đủ yêu cầu cấp gạch mộc vào lò nung. Tại công đoạn nung sản phẩm, sản phẩm sau khi qua sấy sẽ được tráng một lớp lót ở bề mặt dưới của viên sản phẩm để chống việc bám dính pha lỏng vào thanh lăn trong quá trình nung. Sau đó sản phẩm được cấp vào dàn bù của lò nung, hoặc chạy trực tiếp vào lò nung tùy theo lượng sản phẩm tồn dư trong dàn bù để đảm bảo lò nung không bị trống nhờ vào hệ thống thiết bị băng tải. Sau khi ra khỏi lò nung, sản phẩm được đi qua hệ thống tráng lớp chống thấm, làm cho độ hút nước của viên sản phẩm giảm đi trong quá trình sử dụng và giảm thiểu khả năng bám vữa bẩn trên bề mặt gạch trong quá trình thi công lát gạch cotto. Sau khi đi qua hệ thống chống thấm, sản phẩm được hệ quạt gió làm khô và làm mát trước khi dịch chuyển đến bàn kiểm tra âm thanh sản phẩm. Tại bàn kiểm tra âm thanh, sản phẩm có khuyết tật chỉ được xếp vào loại A2, A3 hoặc loại C. Các viên sản phẩm đạt tiêu chuẩn A1 được hệ thống băng tải đưa đến hệ thống sắp kiện tự động và được dịch chuyển đến dàn con lăn chở ra khu vực để thành phẩm. Tại khu vực để thành phẩm, sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng, sau đó được chọn, vào hộp, đóng gói và nhập kho.

Các báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng đều đánh giá: Cẩm nang đã trình bày chi tiết các công đoạn trong công nghệ sản xuất gạch Cotto với bố cục rõ ràng,



cấu trúc hợp lý, đầy đủ, chi tiết, có sự tham khảo số liệu, có thông tin mới, đáp ứng được mục tiêu tham khảo, làm tài liệu đào tạo. Tuy nhiên, nhóm tác giả cần nêu rõ ưu, nhược điểm của gạch Cotto so với các loại gạch khác, bổ sung thêm các bước khắc phục sự cố, các quá trình cụ thể cần thực hiện trong mỗi giai đoạn.

Phát biểu kết luận Hội nghị, TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các ý kiến của các thành

viên Hội đồng, và lưu ý nhóm tác giả tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện cẩm nang trước ngày 15/12/2012 để chuyển sang NXB Xây dựng in làm tài liệu tham khảo, đưa vào áp dụng. Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Thu Huyền

## Hội nghị thẩm định Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 22/11/2012, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang.

Tham dự Hội nghị có các thành viên Hội đồng thẩm định gồm đại diện các Bộ, Ngành liên quan, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội; đại diện chủ đầu tư (BQL Dự án thoát nước Hà Nội) và đơn vị tư vấn (Công ty CP Nước & Môi trường Việt Nam - Viwase).

Theo báo cáo của đơn vị tư vấn, Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội được nghiên cứu theo Quyết định số 1654/2010/QĐ-TTg ngày 7/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thoát nước Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Với mục tiêu chung nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển thoát nước của Thủ đô trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; và những mục tiêu cụ thể như góp phần cải thiện điều kiện vệ sinh, góp phần bảo vệ môi trường một cách bền vững, tạo môi trường thành phố xanh - sạch - đẹp; đảm bảo nâng cao năng lực quản lý vận hành hệ thống thoát nước... Công ty Cổ phần Viwase đã xây dựng Đề án quy hoạch với đầy đủ các nội dung: cơ sở pháp lý; phạm vi nghiên cứu và phạm vi quy hoạch; đánh giá hiện trạng thoát nước và ô nhiễm môi trường;



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu kết luận Hội nghị

quy hoạch tổ chức hệ thống thoát nước, nước mưa; quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

Đề án đã đưa ra được những biện pháp căn bản nhằm giải quyết các vấn đề liên quan tới lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải của Thủ đô Hà Nội. Theo đó, đến năm 2015, quy hoạch thoát nước mưa khu vực đô thị trung tâm phía nam sông Hồng đến sông Tô Lịch sẽ giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng với trận mưa có chu kỳ tính toán 10 năm, và đến năm 2020 là khu vực đô thị trung tâm đến sông Nhuệ, Hà Đông và khu vực Long Biên; các khu vực đô thị khác sẽ từng bước giải quyết ngập úng cục bộ. Về quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải, Đề án tập trung hướng tới các đô thị đạt tiêu chuẩn vệ sinh giới hạn A,B (tùy thuộc vào nguồn tiếp nhận) theo tiêu chuẩn Việt Nam

trong phạm vi khu vực lập quy hoạch, nhằm góp phần cải thiện điều kiện vệ sinh, bảo vệ môi trường. Đến năm 2015, các hồ hiện trạng có chức năng điều hòa nước mưa sẽ cơ bản được cải tạo; đến năm 2020, sẽ xây dựng 4-5 nhà máy xử lý nước thải khu vực Tả Nhuệ, tạo dòng chảy các sông Tô Lịch, sông Tích, góp phần làm sạch sông, hồ trong đô thị trung tâm, Sơn Tây và các khu đô thị mới.

Hai ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá: Đây là một Đồ án tốt, thể hiện hiện tâm huyết của những người làm quy hoạch đối với sự phát triển bền vững của Thủ đô. Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch vùng Thủ đô, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô cùng các quy hoạch ngành khác đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tạo cơ sở vững chắc nhằm xác định lộ trình đầu tư xây dựng, cũng như các kế hoạch phát triển ngành thoát nước đô thị lâu dài. Tuy nhiên, để Đồ án được hoàn thiện, các thành viên Hội đồng đã đóng góp thêm một số ý kiến về các thông số cốt nền xây dựng, cao độ, hệ số pha loãng (xác

định dòng chảy là bao nhiêu để sự an toàn cho sinh hoạt của người dân vẫn được bảo đảm; hệ số pha loãng cần nâng lên để giữ gìn vệ sinh cho thành phố). Hội đồng cũng đề xuất tư vấn nghiên cứu thêm giải pháp xây dựng mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải; kiến nghị tư vấn đưa ra những giải pháp cụ thể hơn để giải quyết tình trạng ngập úng trong các đô thị vệ tinh, và có định hướng đối với khu vực nông thôn.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang bày tỏ sự nhất trí với các quan điểm của Hội đồng; đồng thời nhấn mạnh: Đồ án đã được hoàn thành có chất lượng nhờ sự nỗ lực của đơn vị tư vấn và chủ đầu tư và sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, Ngành liên quan.

Thứ trưởng Cao Lại Quang đề nghị UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp tục hoàn thiện Đồ án trên cơ sở các ý kiến đóng góp của Hội đồng, khắc phục những tồn tại của Đồ án - nhất là vấn đề tổ chức quản lý quy hoạch, để Bộ trình Chính phủ phê duyệt trong thời gian tới.

Lệ Minh

## Hội nghị Khoa học cán bộ trẻ lần thứ XII - Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Ngày 23/11/2012, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (KHCNXD) phối hợp cùng Đoàn thanh niên Cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức hội nghị Khoa học cán bộ trẻ lần thứ XII dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng. Tham dự hội nghị có ông Lê Quang Hùng, Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, ông Bùi Chí Hiếu, Bí thư Đoàn thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng, ông Trịnh Việt Cường, Viện trưởng Viện KHCNXD, ông Trần Bá Việt, phó viện trưởng kiêm Trưởng ban Tổ chức hội nghị, ông Trần Chung, nguyên Cục trưởng Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Trưởng ban Khoa học của hội nghị,



Viện trưởng Viện KHCN XD Trịnh Việt Cường phát biểu khai mạc Hội nghị

và hơn 100 tác giả và đồng tác giả là các cán bộ trẻ trong và ngoài Viện.

Phát biểu khai mạc hội nghị, ông Trịnh Việt Cường - Viện trưởng Viện KHCN XD cho biết, Hội nghị Khoa học các bộ trẻ lần thứ XII là một sự kiện quan trọng trong các hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Viện (1963-2013). Đây là một trong những hoạt động của Viện nhằm hỗ trợ các cán bộ trẻ phát huy năng lực và tư duy khoa học của mình. Ông vui mừng khi thấy số lượng cán bộ trẻ tham gia hội nghị lần này tăng hơn nhiều so với năm trước, chứng tỏ đây là một sân chơi có sức hút đối với cán bộ trẻ làm công tác khoa học.

Thay mặt Ban Khoa học của Hội nghị, ông Trần Chung đã công bố các tiêu chí đánh giá bài viết tham gia báo cáo tại hội nghị lần này, và cơ cấu giải thưởng của hội nghị.

Trong số 30 bài được báo cáo tại Hội nghị có nội dung về một số lĩnh vực như kiến trúc - tu bổ di tích, kết cấu công trình, vật liệu xây dựng, trắc địa, địa chất công trình và nền móng, kinh tế xây dựng..., dựa trên các tiêu chí đã được công bố, ban Khoa học đã lựa chọn trao giải Nhất cho báo cáo “Thử nghiệm trên mô hình hệ thống mặt dựng nhôm kính nhà cao tầng” của nhóm tác giả Đỗ Văn Mạnh, Nguyễn Hữu Quyền, giải Nhì cho báo cáo “Biện pháp xử lý lún cho công trình – giải pháp khắc phục ma sát âm lên cọc” của tác giả Trần Đức Hiếu, và báo cáo “Nghiên cứu chế tạo hệ thống thử nghiệm đóng và mở lặp lại – cửa đi” của nhóm tác giả Nguyễn Việt Sơn, Cao Đình Hải và Đào Duy Anh. Giải Ba được trao cho các báo cáo “Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng tro bay đến nhiệt độ bê tông khối lớn” của tác giả Phạm Văn Đồng, “Nghiên cứu áp dụng phương pháp tích hợp các yếu tố điều kiện kỹ thuật tự nhiên vùng ven sông trong việc đánh giá dự báo ổn định tuyến bờ sông Hồng trong địa phận Hà Nội” của tác giả Nguyễn Công Kiên, và “Nghiên cứu chế tạo bê tông chịu lửa không xi măng cho ngành công nghiệp luyện kim” của tác giả Vũ Văn Dũng và Hoàng Lê Anh. Ngoài ra, Ban Tổ chức còn trao giải cho các báo cáo có phương



*Trao giải cho các cán bộ khoa học trẻ*

pháp nghiên cứu sáng tạo, có tính ứng dụng thực tiễn cao, báo cáo viên thuyết trình tại Hội nghị hay nhất, đơn vị trong Viện có nhiều bài đăng tuyển nhất và đơn vị ngoài Viện có nhiều bài báo được đăng tuyển nhất.

Báo cáo đạt giải Nhất “Thử nghiệm trên mô hình hệ thống mặt dựng nhôm kính nhà cao tầng” của nhóm tác giả Nguyễn Hữu Quyền được đánh giá là có tính ứng dụng cao, và đã được Viện chọn tài trợ kinh phí để triển khai nghiên cứu phát triển hoặc nghiên cứu ứng dụng kết quả nghiên cứu lý thuyết vào trong thực tiễn. Hệ thống mặt dựng nhôm kính thường là kết cấu bao che của công trình, là một trong những bộ phận quan trọng của nhà cao tầng và ngày càng quan trọng hơn xét trên các mặt như công năng, thẩm mỹ, giá thành. Ngoài ra, mặt dựng nhôm kính là hệ chịu tải trọng gió đầu tiên của nhà cao tầng và từ đó truyền đến hệ thống chịu tải trọng ngang của nhà (cột, vách, lõi...) do đó thiết kế hệ thống mặt dựng nhôm kính chịu tải trọng gió (loại tải trọng chủ yếu và quan trọng nhất, ngoài ra còn có tải trọng đất, tĩnh tải, tải trọng động đất, tải trọng nhiệt, tải trọng nổ), cũng như việc kiểm tra chất lượng là một yêu cầu cần thiết. Báo cáo đã trình bày các yêu cầu kỹ thuật, thử nghiệm trên mô hình thực (mock-up test) của hệ thống mặt dựng kính cho một số công trình thực tế như tòa nhà PV Gas, Petroland (HCM), tòa nhà trụ sở hải quan (HN), nhà ga hành khách quốc tế sân bay Đà Nẵng... để kiểm tra chất lượng trước khi lắp đặt vào công trình.

Đánh giá về Hội nghị, Viện trưởng Trịnh Việt Cường khẳng định, đây là diễn đàn thiết thực và hữu ích để các cán bộ trẻ trong và ngoài Viện có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, trình bày các ý tưởng khoa học cũng như những kết quả ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào thực tế xây dựng

Việt Nam, đồng thời là nơi để các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ được khẳng định sự trưởng thành của mình.

Thu Huyền

## Hội thảo “Sử dụng kính tiết kiệm năng lượng cho các công trình xây dựng”

Ngày 25/11/2012, trong khuôn khổ Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012 đã diễn ra Hội thảo “Sử dụng kính tiết kiệm năng lượng cho các công trình xây dựng”.

Tham dự Hội thảo có ông Nguyễn Đình Hùng, CTHĐQT - TGD công ty tổ chức triển lãm quốc tế xây dựng Vietbuild, ông Nguyễn Quang Cung, Phó chủ tịch Hội VLXDVN, các nhà đầu tư, các nhà thầu và đại diện các doanh nghiệp quan tâm tới vấn đề tiết kiệm năng lượng trong các công trình xây dựng.

Mở đầu hội thảo, ông Nguyễn Quang Cung - Phó chủ tịch Hội VLXDVN, nhận định: Vấn đề tiết kiệm năng lượng và bền vững cho các tòa nhà ngày càng được quan tâm. Kính có thể được sử dụng như vật liệu nhằm giảm tiêu thụ năng lượng nhưng vẫn duy trì được độ truyền sáng vừa phải và mặt dựng kết nối người sử dụng với thế giới bên ngoài, giúp cho tòa nhà vừa tiết kiệm năng lượng vừa mang lại vẻ đẹp cho công trình.

Hội thảo đã tập trung giới thiệu các loại kính nổi không màu, kính nổi màu, kính phản quang hiệu năng cao, kính kiểm soát nhiệt Low E và kính phản quang Low E.

Kính nổi không màu mang lại các đặc tính quang học tuyệt vời, độ truyền sáng lên đến 90%, do vậy, giảm nhu cầu sử dụng ánh sáng nhân tạo. Đây là loại kính nổi chất lượng cao, vật liệu có độ bền cao, dễ lau chùi, dễ dàng gia công và lắp đặt, có thể được sử dụng trong kính hộp kết hợp với các sản phẩm khác, có thể được tô hoặc dán để tăng tính an toàn và an



Đại diện Công ty kính nổi Việt Nam (VFG) trình bày tham luận tại Hội thảo

ninh, có độ dày đa dạng (từ 2mm đến 15mm), kích thước đa dạng để có thể tận dụng tối đa, phù hợp nhất ở những nơi có yêu cầu độ truyền sáng và tầm nhìn cao.

Kính nổi màu giảm được nhiệt lượng không mong muốn, giảm độ chói và tạo ra tầm nhìn tốt, giảm nhiệt lượng truyền vào, giảm độ truyền của tia cực tím so với kính nổi thông thường. Kính nổi màu có tính năng kiểm soát nhiệt, giảm nhu cầu sử dụng điều hòa, có màu sắc đa dạng theo độ dày. Độ phản xạ bên trong và bên ngoài kính nổi màu thấp, giảm độ chói từ ánh nắng mặt trời và tăng tính riêng tư cho người sử dụng so với kính trắng thông thường. Đây là loại kính có thể sử dụng kính dán, kính tô, uốn và tráng men sử dụng các kỹ thuật thông thường và thêm tính năng cách nhiệt khi được sử dụng trong kính hộp có sử dụng kính phản xạ thấp.

Kính phản quang hiệu năng cao là loại kính phản quang phủ cứng có nhiều màu sắc, kết



hợp với nhiệt lượng tương đối đạt được thấp, độ phản xạ cao, tạo ra sự mát mẻ, sự thoải mái bên trong và thẩm mỹ nhìn từ bên ngoài. Loại kính này có lớp phủ nhiệt phân bền, màu sắc ổn định dù cường lực hay không, độ kiểm soát nhiệt vừa phải, độ phản xạ tốt, kiểm soát độ chói, giúp giảm chi phí sử dụng điều hòa.

Kính kiểm soát nhiệt Low E là loại kính kiểm soát nhiệt Low E phủ cứng đầu tiên trên thế giới, là giải pháp hoàn hảo để đáp ứng nhu cầu làm mát và là sản phẩm phù hợp nhất cho các vùng nhiệt đới. Đây là loại kính có hiệu năng kiểm soát nhiệt tốt kết hợp với tính năng Low E, giảm nhu cầu sưởi ấm và làm mát cho các tòa nhà. Kính có độ truyền sáng vừa phải, độ phản xạ thấp làm cho tầm nhìn không bị biến dạng.

Kính phản quang Low E là sản phẩm phủ cứng phản quang Low E, có hiệu năng kiểm soát nhiệt tốt, màu sắc tự nhiên, ổn định, độ phản xạ vừa phải, độ truyền sáng cao và kiểm soát độ chói, không cần mài viền, phù hợp với các tòa nhà yêu cầu hiệu năng kiểm soát nhiệt.

Tại hội thảo, các rào cản chính trong việc áp dụng kính tiết kiệm năng lượng như thiếu chính sách và công cụ quản lý hiệu quả đối với việc sử dụng kính tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng, sự thiếu quan tâm của chủ sở hữu, người khai thác, sử dụng công trình tới vấn đề tiết kiệm năng lượng, sự hạn chế về chủng loại, chất lượng của kính tiết kiệm năng lượng đã được đưa ra thảo luận sôi nổi.

Kết thúc hội thảo, đoàn chủ tọa điều hành hội thảo khẳng định sử dụng kính có tính năng tiết kiệm năng lượng đang là xu hướng xây dựng khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam, kính tiết kiệm năng lượng vẫn còn là khái niệm khá xa lạ, chưa được nhiều người quan tâm, song theo đánh giá của các chuyên gia xây dựng, kính tiết kiệm năng lượng chính là giải pháp cho những công trình hiện đại, đặc biệt là những công trình ở điều kiện khí hậu nóng ẩm như Việt Nam.

Thu Huyền

## **Hội thảo “Sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường của ngành xây dựng trong hội nhập và phát triển”**

Ngày 24/11/2012, trong khuôn khổ Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012 do Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo và bảo trợ đã diễn ra Hội thảo “Sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển”.

Tham dự Hội thảo có ông Nguyễn Đình Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Triển lãm quốc tế AFC thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Quang Cung - Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam; ông Tống Văn Nga - Phó Chủ tịch thường trực Hiệp hội Bất động sản Việt Nam; ông Phạm Văn Bắc - Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng cùng đại diện các doanh nghiệp hoạt động trong ngành Xây dựng.



Đoàn chủ tọa Hội thảo

Thay mặt Đoàn Chủ tọa điều hành Hội thảo, ông Tống Văn Nga yêu cầu các tham luận trình bày tại Hội thảo phải làm nổi bật được tính năng đặc biệt, nổi trội và khác biệt so với những sản



phẩm đã có trên thị trường, đồng thời cho biết, điểm khác biệt của Hội thảo lần này là những người quan tâm tới những sản phẩm, công nghệ được trình bày trong Hội thảo có thể tham vấn trực tiếp và tìm hiểu kỹ hơn tại bàn đại diện doanh nghiệp.

Các báo cáo tại Hội thảo đề cập các đề tài liên quan đến vật liệu mới, công nghệ tiết kiệm năng lượng, an toàn, an ninh cho tòa nhà, gồm:

- Vật liệu nội thất Nhật Bản - sự lựa chọn mới của kiến trúc sư;
- Brainboard - bền vững cho ngôi nhà;
- Cao su xốp cách nhiệt, cách âm ATATA;
- Khám phá công nghệ chiếu sáng LEDs;
- Hệ thống báo động chống trộm và báo cháy không dây - SADO SECUTE;
- Giới thiệu hệ thống điện thông minh;
- Trải nghiệm chất lượng hình ảnh đỉnh cao với công nghệ Full HD của camera Questek.

Các tham luận tại Hội thảo đã nhận được sự quan tâm của đông đảo người tham dự, đặc biệt là báo cáo về công nghệ chiếu sáng LED.

Theo báo cáo của Công ty LED-ON Việt Nam, về cấu tạo, đèn LED tương tự như bóng đèn tròn bình thường nhưng không có dây tóc ở giữa, thay vào đó là bộ phận chip LED. Đèn LED tạo ra nhiều ánh sáng hơn, tỏa nhiệt ít hơn so với các thiết bị chiếu sáng khác. Nhiệt độ làm việc của bóng đèn LED cao hơn nhiệt độ môi trường khoảng 5-8<sup>0</sup>C, thấp hơn so với đèn huỳnh quang thông thường khoảng 13-25<sup>0</sup>C. Ánh sáng đèn LED tạo nên là dải ánh sáng đơn sắc, có nguồn điện một chiều nên không bị nhấp nháy như đèn huỳnh quang, compact, do đó, nó có lợi cho mắt hơn hẳn các loại đèn khác. Mặt khác, đèn LED không chứa các chất độc hại như thủy ngân, các tia bức xạ, tia cực tím, lại giảm 80% phát thải khí CO<sub>2</sub> nên vừa thân thiện môi trường vừa có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng. Với những tính năng vượt trội về nguyên lý phát sáng, đèn LED đã mang lại những lợi ích thiết thực cho người sử dụng như tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường,

an toàn cho người sử dụng (giảm nguy cơ cháy nổ, không gây nhức mỏi mắt)... Với sản phẩm đa dạng như LED tuýp, âm tường, gắn tường, pha hắt, giám sát, điểm, dưới nước, mặt đất, bóng, đường phố, công xưởng và trang trí, đèn LED sẽ trở thành nguồn sáng chiếm ưu thế, được ứng dụng rộng rãi trong các hoạt động chiếu sáng.

Hệ thống báo động chống trộm và báo cháy không dây - SADO SECUTE cũng là sản phẩm nhận được nhiều sự quan tâm tại Hội thảo. Đây là sản phẩm được sản xuất 100% tại Đức, và đã được sử dụng phổ biến ở Đức và các nước châu Âu từ năm 2008. Các đầu báo cảm biến (cảm biến điện, cảm biến cơ học, cảm biến đa năng, cảm biến kính vỡ, cảm biến khói, nhiệt...) thường được lắp vào cửa, tủ, nhà xe hoặc các thiết bị điện, máy lạnh... làm nhiệm vụ thu nhận tín hiệu, sau đó truyền về bộ xử lý trung tâm bằng sóng điện từ. Bộ xử lý trung tâm tiếp nhận thông tin từ đầu báo cảm biến, thông báo tình huống tới người sử dụng thông qua các thiết bị báo động. Bộ xử lý trung tâm có thể bật tắt bằng tay hoặc dùng điều khiển từ xa, hoặc thông qua điện thoại, máy tính. Báo động thông qua còi hú liên tục, đèn báo bật sáng. Chế độ báo động sẽ tự động quay đến các số điện thoại đã được cài đặt trước. SADO SECUTE là gói giải pháp đồng bộ, bảo mật tuyệt đối, có thiết kế sang trọng, tinh tế, có độ bền cao, được lắp đặt không dây, dễ dàng sử dụng, không hạn chế số lượng lắp đặt, sử dụng công nghệ sóng điện từ hiện đại nhất, báo động chính xác nhất, không báo động giả, chịu được độ ẩm cao (95%) và có thể ngâm liên tục trong nước 3 ngày. SADO SECUTE có thể hoạt động bình thường khi mất điện, có thể tự động đóng ngắt các thiết bị điện và không cần bảo trì, bảo dưỡng trong suốt quá trình sử dụng.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Nguyễn Đình Hùng - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Triển lãm quốc tế AFC - đơn vị tổ chức Vietbuild Hà

Nội 2012 cho biết, Hội thảo “Sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển” nói riêng và các hội thảo được tổ chức trong 6 lần tổ chức Triển lãm Vietbuild năm 2012 là nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc giới thiệu

các sản phẩm, dịch vụ và công nghệ mới của ngành Xây dựng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, đổi mới công nghệ.

Thu Huyền

## Vòi phun chuyên dụng cải thiện chất lượng các sản phẩm bê tông

Những cuộc tranh luận khoa học - thực tiễn kéo dài nhiều năm nay về lượng nước cần thiết của vữa khi sản xuất các sản phẩm bê tông, cuối cùng đã có câu trả lời thuyết phục. Công ty MS-Bohemia (Đức) đã chế tạo thành công vòi phun chuyên dụng nhãn hiệu “Murazan – Gidrotex 800”, với khả năng định lượng nước tối ưu cho sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn.

Bê tông dẻo và bê tông tươi thường được sản xuất bằng các máy trộn bê tông tự động, trong khi các cấu kiện bê tông đúc sẵn được sản xuất bằng các thiết bị công suất lớn. Cấu kiện bê tông đúc sẵn thường được chế tạo với các công nghệ khác nhau và được đầm nén trong các khuôn chuyên dụng. Sau đó đến công đoạn dỡ khuôn. Các sản phẩm đó được gọi là bê tông ướt vì nó chưa đạt đủ cường độ - là kết quả thủy hóa của vật liệu kết dính.

Các sản phẩm bê tông đó chưa thể giữ nguyên được định dạng. Bê tông ướt đạt được cường độ nhờ công thức pha trộn thích hợp và mức độ đầm chặt. Khi các bóng khí biến mất, sẽ tạo ra một cấu trúc chặt chẽ với rất ít lỗ rỗng. Độ bền kéo cần thiết của vật liệu mới chế tạo là điều kiện tiên quyết để tạo ra các sản phẩm cuối cùng đảm bảo các thông số kỹ thuật cần thiết khi xuất xưởng.

Đối với bê tông không sản xuất theo công nghệ truyền thống, theo nguyên tắc, người ta sử dụng các hỗn hợp bê tông EMC (earth-moist concrete). Tỷ lệ nước/xi măng của hỗn hợp này không lớn hơn 0,4. Điều này theo các chuyên gia Allgemeine Bauzeitung, hàm lượng nước

như vậy chưa đủ. Vì vậy, theo các chuyên gia đó, cần phải tăng cường bảo dưỡng ẩm hay đơn giản là bổ sung thêm hàm lượng nước cho bê tông.

Để cải thiện chất lượng bê tông EMC, công ty MS-Bohemia đã sáng chế và ứng dụng vòi phun chuyên dụng Murazan-Gidrotex 800. Loại thiết bị này đáp ứng các yêu cầu sản xuất các cấu kiện bê tông theo quy trình sản xuất công nghiệp. Trong thực tế, đó là biện pháp ứng dụng hoạt chất mới trong hỗn hợp để cải thiện tính chất lý-hóa của các sản phẩm.

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, các thí nghiệm về sự tương quan giữa nước và lực đầm, cường độ ban đầu của bê tông ướt và thuộc tính của “bê tông cứng” đã được thực hiện. Ví dụ, nếu tăng hàm lượng nước trong hỗn hợp bê tông, thì với cùng một lực đầm, thì cường độ của bê tông ướt sẽ cao hơn. Các nhà chuyên môn gọi đây là “Phương pháp tách nước” Nếu cường độ của “bê tông ướt” đạt ngưỡng ý nghĩa tối đa, thì hàm lượng nước một lần nữa giảm tới trạng thái ẩm.

Những nghiên cứu đã được tiến hành trước đây cho thấy: các sản phẩm bê tông ở tình trạng “tách ướt” đạt cường độ 28 ngày trong thời gian ngắn hơn. Thậm chí tính năng thấm cũng giảm rõ rệt.

Nhờ tăng lực đầm mà cường độ của bê tông ướt được cải thiện khi giảm nước và tăng thành phần chất kết dính.

Khi hỗn hợp bê tông có hàm lượng nước thấp, thì cần phải bảo dưỡng ẩm thường xuyên.

Trong các trường hợp để cải thiện chất lượng các sản phẩm bê tông, các chuyên gia khuyến cáo cần tăng hàm lượng nước trong hỗn hợp bê tông.

Theo công bố của nhà sản xuất, vòi phun Murazan - Gidrotex 800 cho phép xác định lượng nước bổ sung vào hỗn hợp bê tông; từ đó tạo khả năng chế tạo các sản phẩm bê tông trong điều kiện ẩm, mà không làm ảnh hưởng đến cường độ của “bê tông ướt”.

Hệ chức năng hóa - lý của vòi phun cho phép tăng khả năng kết dính của xi măng và nâng cao hiệu quả bôi trơn giữa khuôn và bê tông trong thời gian sản xuất, giúp nâng cao chất lượng bề mặt bê tông.

Những kinh nghiệm đầu tiên trong sản xuất phiến bê tông xây dựng để lát đường trong công

viên và các vườn cây hay sản xuất các ống bê tông đã cho thấy, việc tăng thêm hàm lượng nước từ 5-15 lít cho mỗi m<sup>3</sup> bê tông là hoàn toàn phù hợp và có khả năng. Nhờ sử dụng vòi phun loại này, độ đặc chắc và chất lượng bề mặt của bê tông tươi sẽ được cải thiện.

Với một lượng nước vừa đủ, hiệu quả của các chất kết dính được phát huy tốt hơn sẽ giúp bê tông cải thiện được tính chống băng giá và sương muối. Vòi phun Murazan-Gidrotex 800 bảo đảm tăng hiệu quả thủy hóa xi măng, làm tăng chất lượng bê tông tương và bê tông cứng.

**V. Vasilev**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 39*

*(28/9/2012)*

**ND: Lê Minh**

## **Thứ trưởng Bộ Lập pháp Hàn Quốc Je Jeongboo đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng**

Sáng 20/11, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã có buổi tiếp và làm việc với Thứ trưởng Bộ Lập pháp Hàn Quốc Je Jeongboo về vấn đề chính sách phát triển nhà ở và thị trường bất động sản của Việt Nam. Tới dự buổi tiếp về phía Việt Nam còn có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam bày tỏ sự vui mừng được tiếp đón Thứ trưởng Bộ Lập pháp Hàn Quốc Je Jeongboo cùng đoàn công tác đã đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, Việt Nam và Hàn Quốc là hai nước đã có mối quan hệ hợp tác phát triển từ lâu, Bộ Xây dựng đã cử nhiều đoàn sang Hàn Quốc khảo sát, học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm của Hàn Quốc về lĩnh vực xây dựng phát triển nhà ở đô thị. Phía Hàn Quốc cũng có nhiều đoàn thăm và làm việc với Bộ Xây dựng Việt Nam và đặc biệt các doanh nghiệp của Hàn Quốc là một trong những doanh nghiệp có mức đầu tư lớn vào Việt Nam và đạt nhiều thành công. Trong chính sách chung của Việt Nam, Chính phủ luôn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam về lĩnh vực bất động sản, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp Hàn Quốc.

Thay mặt đoàn công tác của Bộ Lập pháp Hàn Quốc, Thứ trưởng Je Jeongboo cũng bày tỏ lời cảm ơn Thứ trưởng và các lãnh đạo đại diện Bộ Xây dựng Việt Nam đã dành thời gian đón tiếp. Ông Je Jeongboo cũng cho biết, chuyến thăm Việt Nam lần này rất có ý nghĩa, bởi Việt Nam là một trong những nước có mối quan hệ hợp tác rất chặt chẽ với Hàn Quốc trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội. Với tư cách là một cơ quan Nhà nước phụ trách chung về việc xây dựng các văn bản pháp luật của Hàn Quốc, Bộ Lập pháp đã rất vui mừng được đến thăm, giao lưu và hợp tác với Bộ Xây dựng



*Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam hội đàm với Thứ trưởng Bộ Lập pháp Hàn Quốc Je Jeongboo*

Việt Nam trong vấn đề liên quan tới pháp luật xây dựng.

Được sự ủy quyền của Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, Cục trưởng Cục quản lý Nhà và thị trường Bất động sản - Nguyễn Mạnh Hà đã báo cáo qua về tình hình phát triển bất động sản và luật pháp của Việt Nam về nhà ở, giúp phía Hàn Quốc hiểu rõ hơn về hành lang pháp lý của Việt Nam xung quanh các vấn đề về xây dựng và phát triển nhà ở.

Phát biểu với người đồng cấp Hàn Quốc, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, do Việt Nam từ cơ chế quan liêu bao cấp chuyển sang nhà nước pháp quyền, từ những năm 90 cho đến những năm 2000, nhu cầu về luật ở Việt Nam là rất lớn, ban hành nhiều quy định để điều tiết thị trường, tuy nhiên về số lượng luật ban hành thì khá nhiều, nhưng chất lượng và điều kiện chi tiết trong các bộ luật chưa phù hợp với thực tiễn, hiện Việt Nam đang sửa đổi dần để phù hợp với tình hình chung của đất nước và hội nhập với thế giới. Những bất cập trong các bộ luật này đã làm hạn chế sự phát triển kinh tế và sự phát huy nguồn lực trong nước và từ nước ngoài. Hiện Quốc hội Việt Nam đang thảo luận về việc sửa đổi và điều chỉnh Luật Đất đai và hi vọng tới đây Việt Nam sẽ có Luật Đất đai mới. Về phía Bộ Xây dựng cũng có những đề xuất để

sửa đổi lại Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản, quan điểm của Bộ Xây dựng là sẽ dỡ bỏ những hạn chế đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong kinh doanh bất động sản, tạo sự bình đẳng như các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, Bộ Xây dựng cũng rất cần sự hỗ trợ và học tập kinh nghiệm, đặc biệt là Bộ Lập pháp Hàn Quốc về lĩnh vực này.

Thứ trưởng Je Jeongboo cũng chia sẻ với các lãnh đạo Bộ Xây dựng Việt Nam về cơ cấu tổ chức cũng như chức năng nhiệm vụ của Bộ Lập pháp và tình hình xây dựng của Hàn Quốc hiện nay và hứa trong thời gian tới Bộ Lập pháp sẽ cung cấp các văn bản liên quan tới xây dựng của Hàn Quốc cho Bộ Xây dựng Việt Nam. Thứ trưởng Je Jeongboo cũng cho biết thêm, hiện

nay Hàn Quốc có khoảng hơn 200 doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam và những doanh nghiệp này cũng rất quan tâm đến thông tin về văn bản pháp luật liên quan tới bất động sản và xây dựng, đặc biệt là về Quy định bồi thường đất đai, đây là một trong những vấn đề mà các doanh nghiệp Hàn Quốc thường gặp phải khi đầu tư tại Việt Nam.

Để giải đáp những quan tâm từ phía Hàn Quốc, Thứ trưởng Nam đã giới thiệu khá chi tiết về những luật và quy định về các vấn đề này và cũng nhấn mạnh: Bộ Xây dựng Việt Nam sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư hiệu quả tại Việt Nam./.

**Bích Ngọc**

## **Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012**

Sáng ngày 24/11/2012, Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012 - Bất động sản - Trang trí nội ngoại thất - Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Hà Nội 2012 đã khai mạc tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam, Hà Nội.

Tham dự Lễ Khai mạc có ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng; ông Lê Đình Tiến - Thứ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ, ông Vũ Tiến Lộc - Chủ tịch Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị của Trung ương và Hà Nội; lãnh đạo các doanh nghiệp tham gia triển lãm và đông đảo khách tham quan.

Phát biểu khai mạc Triển lãm, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam nhiệt liệt biểu dương các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đã tham gia Triển lãm để quảng bá thương hiệu cho những sản phẩm truyền thống và sản phẩm mới của ngành Xây dựng.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, trong bối cảnh kinh tế - xã hội của nước ta tiếp tục có những chuyển biến tích cực, các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm*

doanh, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ và các Bộ, ngành đã giúp cho từng ngành, từng lĩnh vực đều có xu hướng phục hồi trong đó có hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản. Nhằm tạo điều kiện và cơ hội cho các doanh nghiệp, các địa phương, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đổi mới chiến lược đầu tư, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm xây dựng, giới thiệu rộng rãi các dự án đầu tư bất động sản, mở rộng hợp tác kinh doanh vào dịp cuối năm 2012, Bộ Xây dựng và





*Cắt băng khai mạc Triển lãm*

UBND thành phố Hà Nội cùng phối hợp chỉ đạo, bảo trợ việc tổ chức Triển lãm Quốc tế Vietbuild 2012 từ ngày 24/11 đến ngày 28/11 tại Hà Nội.

Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội 2012 là triển lãm truyền thống được tổ chức định kỳ hàng năm tại khu vực phía Bắc. Triển lãm lần này có quy mô hơn 1.000 gian hàng với hơn 300 doanh nghiệp đến từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ với nhiều hoạt động phong phú như Hội thảo chuyên ngành về các sản phẩm mới, công nghệ mới, hoạt động giới thiệu cơ hội đầu tư, tiếp thị, gặp gỡ khách hàng... Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam khẳng định, trong những năm tới, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục phối hợp với UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo Triển lãm Quốc tế Vietbuild để đáp ứng tốt hơn cho sự đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội



*Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đến thăm các gian hàng tại Triển lãm*

của thành phố Hà Nội nói riêng, các tỉnh khu vực phía Bắc nói chung.

Các sản phẩm chủ yếu được trưng bày tại Triển lãm Vietbuild Hà Nội lần này bao gồm các dự án đầu tư bất động sản, thiết bị điện, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất, thiết bị vệ sinh, máy móc thiết bị công nghệ, hệ thống năng lượng mặt trời, các hóa phẩm và phụ kiện xây dựng, thiết bị ngôi nhà thông minh...

Tại Lễ khai mạc, Ban tổ chức đã trao Cúp vàng và Huy chương vàng Chất lượng sản phẩm ngành Xây dựng VTOPBUILD - bất động sản VIETTOPRE cho các doanh nghiệp tham gia, và công bố giải thưởng dành cho Gian hàng đẹp, quy mô và ấn tượng.

**Thu Huyền**

**Hội thảo Báo cáo kết quả thực hiện  
Dự án tăng cường năng lực quản lý hợp đồng  
xây dựng & Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung  
Nghị định số 48/2010/NĐ-CP**

Ngày 20/11/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) tổ chức Hội thảo Báo cáo kết quả thực hiện Dự án tăng cường năng lực quản lý hợp đồng xây dựng & Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 48/2010/NĐ-CP về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Tham dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ; bà Keiko Sato - Giám đốc các chương trình dự án của WB; đại diện Văn phòng Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước và một số địa phương; lãnh đạo các công ty, Tập đoàn tư vấn xây dựng trong và



Thủ tướng Trần Văn Sơn phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo

ngoài nước và đại diện các Ban, Ngành liên quan, các Hiệp hội nghề...

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thủ tướng Trần Văn Sơn cho biết: Dự án được triển khai thực hiện từ tháng 11/2009 với mục tiêu cải thiện công cụ quản lý chi phí, quản lý tiến độ và chất lượng trong đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao năng lực quản lý, thực hiện hợp đồng trong cơ chế thị trường cho các chủ thể liên quan. Qua 3 năm thực hiện, tới nay mục tiêu Dự án đã cơ bản được hoàn thành; kết quả này được thể hiện trong Dự thảo sửa đổi bổ sung Nghị định 48/2010/NĐ-CP về hợp đồng trong hoạt động xây dựng và Dự thảo Thông tư hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng; đồng thời là cơ sở quan trọng hỗ trợ Chính phủ sửa đổi, hoàn thiện cơ chế chính sách theo xu hướng tiếp cận cơ chế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế. Thủ tướng đánh giá cao sự hỗ trợ của WB, sự phối hợp đồng bộ của các Bộ, Ngành liên quan để Dự án đạt được những thành tựu đáng khích lệ; và bày tỏ mong muốn: Hội thảo sẽ là dịp để Bộ Xây dựng nhận được thêm nhiều ý kiến đóng góp thiết thực để có thể nghiên cứu, hoàn chỉnh các Dự thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành trong thời gian tới.

Báo cáo tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Dự án, TS. Phạm Văn Khánh, Vụ trưởng Vụ Kinh tế Xây dựng, Bộ Xây dựng, Giám đốc Ban quản lý Dự án nêu rõ khối lượng công việc

đã triển khai thực hiện, cũng như các kết quả cơ bản của Dự án. Với sự tài trợ của WB, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, Ngành liên quan, Dự án đã được triển khai thực hiện theo đúng nội dung và tiến độ.

Ngoài việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị định 48; xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi và Dự thảo Thông tư, Dự án còn đạt được một số kết quả như: xây dựng Dự thảo các mẫu hợp đồng trong hoạt động xây dựng (mẫu hợp đồng tư vấn, mẫu hợp đồng thi công xây dựng, mẫu hợp đồng EPC/ TURNKEY); đề xuất nội dung, chương trình đào tạo, chương trình khung nội dung đào tạo; tập huấn, đào tạo thí điểm những kiến thức cơ bản về hợp đồng và nâng cao năng lực quản lý hợp đồng xây dựng cho các đối tượng có liên quan đến việc quản lý và thực hiện hợp đồng xây dựng.

Về Dự thảo Nghị định bổ sung, sửa đổi Nghị định 48 và Dự thảo Thông tư hướng dẫn, TS. Phạm Văn Khánh đã phân tích cụ thể những điểm khác biệt, những điều bổ sung trong các văn bản cũ và mới; giải trình lý do, cơ sở để điều chỉnh bổ sung, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. TS. Khánh cũng nhấn mạnh: những điều chỉnh này được xây dựng trên cơ sở các ý kiến, đề xuất của các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước qua nghiên cứu khảo sát kỹ tình hình thực tế tại Việt Nam, và vẫn đảm bảo nguyên tắc, những nội dung cần có của một hợp đồng xây dựng.

Tại Hội thảo, sau khi tổng hợp các kiến nghị của tư vấn nước ngoài về quản lý hợp đồng xây dựng ở Việt Nam, đại diện WB và các nhà tài trợ quốc tế, đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương và địa phương, đại diện một số chủ đầu tư, nhà thầu đã cùng thảo luận, trao đổi xung quanh hai Dự thảo cùng các vấn đề liên quan. Ông Vũ Hồng Điệp (Văn phòng Chính phủ) chia sẻ: Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực xây dựng; việc sửa đổi, bổ sung là cần thiết để Bộ quản lý tốt hơn các hoạt động đầu tư xây dựng. Ông nêu ý kiến: Cơ quan soạn thảo cần chủ động hơn trong vấn đề

này, cần cập nhật và có những thông tin chuẩn xác, có sự nghiên cứu khoa học và chuyên sâu trong việc điều chỉnh giá, tránh bội chi trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Những ý kiến của các đại biểu được ghi nhận trong Hội thảo sẽ góp phần củng cố thêm cơ sở để Bộ Xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 48, đồng thời tạo cơ sở để Bộ ban hành Thông tư và bộ mẫu hợp đồng hướng dẫn thực hiện Nghị định bổ sung, sửa đổi trong thời gian tới.

Lệ Minh

## **Đô thị phát triển bền vững: Quy hoạch đô thị sáng tạo ở Singapore**

Vì cạnh tranh về tài nguyên ngày càng gay gắt và dân số đô thị ngày càng phát triển, Singapore phải đi theo đường lối phát triển bền vững. Flemmich Webb cho rằng các đô thị khác cũng cần phải bắt chước mô hình này.

Bản thân đô thị đã mang tính phức tạp: dù đô thị là phương tiện hiệu quả nhất để cung cấp các dịch vụ cũng như cơ sở hạ tầng cho phần đông dân số, nhưng trong thực tế, nó lại vô cùng kém hiệu quả.

Đô thị chỉ chiếm 2% bề mặt trái đất, nhưng lại tiêu thụ tới 75% lượng tài nguyên của thế giới và nếu xét thực tế thế giới có nhiều người sống ở đô thị hơn ở nông thôn thì hiển nhiên đô thị phải là nhân tố chính giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và giảm thiểu tiêu dùng tài nguyên.

Các nhà quản lý đô thị đang phải đối mặt với những thách thức to lớn để làm sao cho đô thị phát triển bền vững hơn. Từ vấn đề ùn tắc giao thông, các công trình xây dựng kém hiệu quả cho tới vấn đề bất bình đẳng xã hội và vấn đề nhà ở, vấn đề nào cũng phức tạp và cũng khó xử lý - nhưng không phải là không giải quyết được.

Một số đô thị đang phát triển nhờ sử dụng biện pháp quy hoạch đô thị, mô hình quản lý và

kỹ thuật sáng tạo, chúng tỏ rằng với sự tập trung đúng đắn và nguồn lực thích hợp, đô thị có thể trở nên "thông minh" hơn hoặc bền vững hơn.

Theo bản thống kê thành phố xanh châu Á mới nhất của Siemens, Singapore là thành phố có biểu hiện tốt nhất trong khu vực khi đánh giá theo các tiêu chí của tính bền vững.

Chủ tịch Ban chỉ đạo chiến dịch đô thị thế giới của UN-HABITAT, ông Nicholas You cho biết: "Singapore là ví dụ điển hình về tính bền vững. Đó là một quốc đảo hạn chế về tài nguyên, thế nên, nó không có lựa chọn nào khác ngoài phát triển xanh nếu muốn tồn tại được về mặt kinh tế".

Những kinh nghiệm của Singapore là bài học quan trọng cho các đô thị khác. Đơn cử như vấn đề xử lý nước. Năm 1963, nước thuộc chức năng quản lý của nhiều bộ, ngành khác nhau, khiến cho việc hình thành một chiến lược nước đồng bộ, lâu dài gặp khó khăn.

Dân số thì ngày càng tăng mà nguồn nước sạch thì hạn chế, do đó, cần phải có hành động thiết thực và các bộ trưởng đã thành lập một cơ quan nước sạch quốc gia, PUB - cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm đầu tư, sản xuất, phân

phối và cải tạo nước trong thành phố.

Hiện nay, hoạt động cấp nước của thành phố đã thay đổi. Hai phần ba diện tích đất bề mặt của Singapore hiện nay là khu vực chứa nước với 17 hồ chứa nước nhân tạo, bao gồm cả hồ Marina ở ngay trung tâm thành phố.

Được gọi là loại nước Mới, nước thải được tập trung và xử lý nhằm cung cấp nước đủ sạch để có thể uống được. Lượng nước này đáp ứng được 30% nhu cầu về nước của toàn thành phố, và mục tiêu là sẽ đáp ứng được 50% nhu cầu vào năm 2060.

Đầu năm nay, Siemens đã nhận được một hợp đồng xác định cơ hội giảm thiểu khí CO<sub>2</sub> trong giao thông, các công trình xây dựng dân sinh và phi thương mại, trong giao thông liên lạc/công nghệ thông tin ở quận Tampines.

Như một phần trong kế hoạch giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> của thành phố xuống 30% vào năm 2030, Siemens sẽ báo cáo vào năm 2013 về chi phí thực hiện, kế hoạch thực thi những thay đổi và thiết kế chương trình thí điểm để theo dõi ba giải pháp kỹ thuật.

TS. Roland Busch, Giám đốc điều hành phụ trách lĩnh vực cơ sở hạ tầng và thành phố của tập đoàn Siemens, nhận định: “Đây sẽ là một môi trường thử nghiệm tốt cho các công nghệ để chứng minh điều chúng tôi có thể làm. Đó là cách để chứng minh trong môi trường cạnh tranh cao như Singapore, chúng tôi có thể đẩy tiết kiệm năng lượng lên một tầm cao mới khi giải quyết tất cả các nhu cầu cơ bản của thành phố”.

EDF và Veolia mới ký một hợp đồng với Ủy ban Phát triển Nhà ở Singapore (HDB), nhà phát triển lớn nhất thủ đô, để phát triển một phần mềm giúp đơn vị này có thể phát triển được các giải pháp quy hoạch đô thị bền vững ở các thành phố của HDB.

ForCity sẽ tái tạo môi trường xây dựng của một thành phố và ảnh hưởng của thành phố đó lên các nguồn tài nguyên, môi trường, con người và chi phí can thiệp để giúp HDB hỗ trợ thành phố của mình thực hiện chức năng hiệu quả hơn, và trở thành nơi dễ chịu hơn để sống.

Công cụ đó sẽ được thử nghiệm ở quận Jurong Đông của thủ đô Singapore.

Giao thông là một lĩnh vực mới được đầu tư gần đây. Trên một bán đảo 4,8 triệu dân với không gian hạn chế, việc di chuyển người dân sao cho hiệu quả nhất có thể là chìa khóa đối với sự tồn tại của nền kinh tế. Một thập kỷ trước, lãnh đạo thành phố đã cảnh báo vấn đề tắc đường có thể ngốn của nền kinh tế Singapore 2-3 tỉ USD một năm nếu cơ sở hạ tầng giao thông không được cải thiện.

Khi đó, có hai hệ thống giao thông riêng biệt trong thành phố: đường thu phí và giao thông công cộng, bao gồm cả xe buýt và xe điện ngầm. Nhưng kể từ năm 2009, sau một loạt những đổi mới về thẻ thông minh, người dân đã có thể sử dụng thẻ e-Symphony, loại thẻ thanh toán do IBM thiết kế, để trả phí cầu đường, phí xe buýt, taxi, xe điện ngầm và thậm chí là dùng để đi mua sắm.

Chiếc thẻ này có thể thực hiện được 20 triệu giao dịch/ ngày, và có thể thu thập các dữ liệu bao quát về giao thông, cho phép giới chức thành phố liên tục chia cắt các tuyến đường để đảm bảo lộ trình hiệu quả nhất và giảm thiểu tối đa tắc đường.

Tất cả những biện pháp này được kết hợp để biến Singapore trở thành một thành phố thông minh hơn. Ông Khoo Teng Chye, Giám đốc điều hành Trung tâm Thành phố đáng sống (có trụ sở ở thành phố Singapore) nói: “Những gì chúng tôi làm là nghiên cứu và cố gắng rút ra những nguyên tắc cho thành công của Singapore trong quá trình phát triển đô thị bền vững – chúng tôi gọi đó là thiết chế của một thành phố đáng sống”.

Chất lượng cuộc sống, tính bền vững về môi trường và nền kinh tế cạnh tranh là những thành tố khiến sống còn của một thành phố. Vì cạnh tranh về tài nguyên ngày càng gay gắt và thành phố ngày càng mở rộng để đáp ứng nhu cầu ở của dân số ngày càng gia tăng, ngay cả những thành phố bên ngoài phạm vi đại lý của Singapore cũng cần phải áp dụng những



nguyên tắc thành phố thông minh. Nếu không áp dụng, các thành phố đó sẽ thua thiệt về mặt tài chính, sẽ không thể thu hút tài năng và doanh nghiệp từ các thành phố có áp dụng. Đơn giản là hành tinh không thể duy trì được với mức độ sử dụng tài nguyên và xuống cấp về

môi trường như hiện nay. Đó không phải còn là lựa chọn nữa, mà thành phố cần phải thay đổi.

**Flemmich Webb**

*Nguồn: [www.guardian.co.uk](http://www.guardian.co.uk)*

**ND: Thu Huyền**

## **Xây dựng Curitiba (Brazil) trở thành thành phố sinh thái**

Curitiba là một thành phố miền nam Brazil, thủ phủ của bang Parana, nằm ở độ cao 900 m so với mực nước biển. Dân số của thành phố khoảng 1,8 triệu người. Khí hậu mát mẻ dễ chịu, nhiệt độ trung bình trong năm là 16°C. Nhiều năm qua, thành phố Curitiba đã áp dụng nhiều sách lược phát triển hệ thống hóa như “lấy con người làm gốc”, “tôn trọng công dân, công dân là người sở hữu và tham gia phục vụ tài sản công cộng, “đô thị xanh”..., động viên được sức tưởng tượng và nhiệt tình tham gia của quần chúng. Sau một thế hệ, dưới tiền đề bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái, Curitiba cơ bản cải thiện bộ mặt đô thị, nâng cao chất lượng sinh hoạt của cư dân Curitiba, được nhân dân ủng hộ, không ngừng bước tới mục tiêu phát triển bền vững.

### **I. Có thể chặn thả gia súc ở đất phủ xanh đô thị**

Curitiba là một trong những thành phố phủ xanh tốt nhất ở Brazil, diện tích đất phủ xanh bình quân đầu người là 581 m<sup>2</sup>, gấp 4 lần con số do Liên Hợp quốc đưa ra. Nét độc đáo của công tác phủ xanh nơi đây là sự phức hợp giữa tự nhiên và nhân tạo. Không thiếu những cây lớn cao chọc trời mọc ở hai bên đường phố náo nhiệt. Có một số cây tuổi thọ trên trăm năm, một số cây còn già hơn tuổi thành phố (thành phố Curitiba có hơn 200 năm lịch sử). Điều phải đặc biệt nhấn mạnh là cây ba la na – loài cây được làm biểu tượng cho thành phố Curitiba, loài cây này thân thẳng đứng, cành lá xum xuê, nhìn xa như cái ô khổng lồ chọc thẳng lên trời, điểm xuyết cho công viên thành phố, mọc tràn

ở vùng sơn dã ngoại ở Curitiba. Công tác phủ xanh nhân tạo của thành phố Curitiba chú trọng tính đa dạng các loài cây, vừa chú trọng hiệu quả thị giác của cảnh quan đô thị, vừa quan tâm tới nhu cầu về nơi sinh tồn phát triển và nguồn thực phẩm của động vật hoang dã. Trong toàn thành phố Curitiba có hơn 200 công viên lớn nhỏ, tất cả đều mở cửa miễn phí. Ngoài ra, Curitiba còn có 9 khu rừng. Một số bãi cỏ của Curitiba là bãi cỏ tự nhiên, có thể chăn thả gia súc tại đây, không sợ bị dẫm nát; các bãi cỏ nhân tạo trồng những loài cỏ có sức sống và sức thích nghi mạnh mẽ, đều trực tiếp nằm kề cạnh đường quốc lộ và đường bộ hành, hài hòa với kiến trúc đô thị.

### **II. Cấm trái nhựa, lát gạch đường đi trong công viên**

Curitiba nằm giữa hai con sông lớn, ngoài ra còn có 5 con sông nhỏ chảy qua thành phố. Trong hai thế kỷ sau khi xây dựng thành phố, con người và sông ngòi chung sống với nhau. Nhưng sang thập kỷ 60 thế kỷ XX, dân di cư bắt đầu định cư ở các bình nguyên, họ lấn sông để cư trú, lũ lụt ngày càng nhiều, ngày càng triển miên. Chính quyền thành phố tiêu tốn hàng triệu đô la xây dựng công trình phân lũ nhưng không đạt được hiệu quả mong muốn. Về sau, chính quyền thực hiện chiến lược bảo vệ dòng chảy của sông thay vì đấu tranh chống lũ, ban hành hàng loạt luật bảo vệ bờ sông, di dân ra khỏi nơi cư trú thấp hơn mực nước cường, biến nơi này thành những công viên ven sông và bãi đất ẩm hồ đầm phân lũ. Hiện nay, mỗi một hồ



đầm đều đã trở thành trung tâm của công viên để mọi người nghỉ ngơi. Biện pháp này không tranh chấp đất đai với sông ngòi và thuận theo tự nhiên, tất nhiên nó đã chấm dứt thiên tai lũ lụt. Chi phí của nó cũng thấp hơn nhiều so với việc xây đê đắp đập phân lũ trước đây. Để thiết thực bảo vệ sinh thái tự nhiên, chính quyền thành phố còn cấm trái nhựa lát gạch đường đi trong công viên, đa phần đường bộ hành trong công viên đều là đường đất thấm nước. Tại những khu phong cảnh, điểm phong cảnh tập trung nhiều du khách, người ta trải những tấm lưới kim loại ở lối đi, vừa thông gió, thông nước, vừa thông ánh sáng. Những biện pháp này bảo vệ được tính hoàn chỉnh và lành mạnh của hệ thống tự nhiên, bảo vệ được sự tuần hoàn của nguồn tài nguyên nước đô thị, khiến cho nước mưa có thể thấm xuống đất thô.

### III. Ưu tiên giao thông công cộng

Thành phố trồng nhiều cây to cao vút bên những tòa nhà lớn. Trong một thành phố có dân số tăng trưởng nhanh chóng, phải làm thế nào để giao thông không bị ách tắc, đồng thời còn giảm bớt ô nhiễm do khí thải ô tô, đó là vấn đề chung mà các đô thị lớn trên thế giới đang phải đối mặt. Curitiba là một thành phố lớn, dân số đông, với gần 1 triệu ô tô nhưng lại không có vấn đề ách tắc giao thông và ô nhiễm không khí. Đó là vì thành phố đã ưu tiên phát triển và sử dụng giao thông công cộng, cố gắng đáp ứng nhu cầu đi lại của những người có thu nhập vừa và thấp đang chiếm đại đa số dân số thành phố. Curitiba là thành phố có tỷ lệ xe con bình quân đầu người cao nhất, trừ thành phố Brasilia - thủ đô của Brazil, bình quân cứ 2,6 người có 1 xe con. Nhưng giao thông công cộng ở Curitiba lại có sức thu hút rất lớn, nhiều người có xe con đã chuyển sang đi xe buýt nhanh chóng, an toàn và tiện lợi. Xe buýt ở Curitiba là hệ thống giao thông tập trung nhất Brazil, bình quân mỗi ngày chuyên chở 1,9 triệu lượt người. Vào giờ cao điểm, người ta chỉ phải chờ 45 giây là có thể lên xe buýt. Hiện nay, khoảng 75% số người

đi làm đều sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Tỷ lệ này cao nhất trong mọi thành phố trên thế giới. Curitiba đã trở thành thành phố có tỷ lệ sử dụng xe con thấp nhất trên thế giới. So với các thành phố khác của Brazil, mỗi năm Curitiba có thể tiết kiệm 7 triệu ga-lông xăng, từ đó khiến cho không khí thành phố càng thêm trong sạch.

### IV. Tái sử dụng giấy vụn thu hồi hàng ngày

Đồ rác phải trả tiền vệ sinh. Đây là điều hiển nhiên đối với các thành phố khác trên thế giới. Nhưng ở Curitiba, đồ rác không những không phải trả tiền, mà người ta còn có thể đổi rác lấy thực phẩm. Năm 1989, chính quyền thành phố Curitiba phát động phong trào “Đồ rác không còn là rác”, động viên mọi gia đình toàn thành phố lọc lấy những vật có thể tái sử dụng từ rác thải. Ba lần trong một tuần, xe ca màu xanh của một công ty tới thu hồi. Rác thu hồi được chia ra làm 5 loại. Trong đó, giấy vụn, thủy tinh, kim loại và đồ nhựa có thể làm nguyên liệu công nghiệp, rau củ quả nát có thể làm phân bón nông nghiệp. Lượng giấy vụn được thu hồi tái sử dụng mỗi ngày của Curitiba tương đương với 1.200 cây gỗ. Hệ thống tái sử dụng rác thải này đã tiết kiệm gần một nửa chi phí xử lý rác thải, trước đó chi phí thu hồi xử lý rác là khoản chi lớn nhất trong ngân sách của chính quyền thành phố. Đồng thời, nguồn nước ngầm cũng ít bị ô nhiễm hơn do lượng rác thải chôn lấp ít đi. Chính quyền thành phố Curitiba còn tài trợ cho “dự án thu mua rác”, người dân thành phố có thể đổi rác lấy thực phẩm. Mỗi tuần hai lần, xe thu hồi rác đến các cụm dân cư trong thành phố Curitiba, xe trước thu hồi rác, xe sau phát thực phẩm, 2 kg rác có thể tái sử dụng đổi được 1 kg thực phẩm. Ngoài ra, cũng có thể đổi rác lấy vé xe buýt, đồ chơi lễ Giáng sinh, vé tập thể thao.... Hoạt động thu mua rác thải này làm thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân thành phố; gạo, đỗ, đậu... đem ra trao đổi lại là sản phẩm dư thừa của nông dân

địa phương, được chính quyền thành phố mua vào để đổi lấy rác, như vậy thu nhập của nông dân được tăng thêm.

## V. Xử lý vấn đề khó khăn và giao thông ách tắc của thành phố

Hơn 30 năm trước, Curitiba cũng đứng trước nhiều vấn đề khó khăn: đường phố đông đúc chật chội, không khí ô nhiễm... Năm 1971, Jaime Lerner - một kiến trúc sư được bầu làm thị trưởng thành phố Curitiba. Ông đã mạnh dạn cải cách triệt để Curitiba với những quan niệm mới. Trước hết, ông đồng thời giải quyết vấn đề nghèo khó của thành phố và vấn đề ách tắc giao thông. Ông cho rằng, giao thông đô thị không đơn giản là phương thức chuyên chở người, mà còn là nhân tố chỉ đạo sử dụng đất đai và điều chỉnh tăng trưởng kinh tế. Biện pháp sáng tạo của ông không phải là trung dụng đất với quy mô lớn để tu sửa đường, mà cải tạo sửa chữa mặt đường hiện có, xây dựng hệ thống giao thông vận hành tốc độ cao. Sự phát triển của giao thông đô thị quyết định sự phát triển của đô thị. Ông đã chỉ đạo chính quyền mua một số vùng đất vàng có điều kiện giao thông thuận lợi, phát triển kinh tế, giải quyết vấn đề dân số ngày càng tăng trưởng và việc làm. Năm

1975, chính quyền mua 16 dặm Anh vuông ở miền tây, cách trung tâm thành phố 6 dặm Anh, xây dựng khu công nghiệp của Curitiba, mời hơn 500 doanh nghiệp công nghiệp không ô nhiễm vào đầu tư. Đồng thời, chính quyền thành phố xây dựng các công trình cơ bản như nhà ở, trường học, bệnh viện, cửa hàng, trung tâm văn hóa, thể thao... ở gần khu công nghiệp cho những người có thu nhập. Khu cư trú của công nhân ngay sát cạnh nhà máy, công nhân ở đây có thể tiết kiệm được 20 tiếng đồng hồ đi về mỗi tuần so với công nhân ở Sao Paulo.

Tóm lại, kinh nghiệm xây dựng đô thị sinh thái của Curitiba là con người cần phải triệt để tôn trọng quy luật tự nhiên trong quá trình xây dựng đô thị, hết sức bảo vệ thiên nhiên, khiến cho hoạt động của con người hài hòa với thiên nhiên, quay về với thiên nhiên. Làm như vậy, chúng ta mới không bị ngăn cách với thiên nhiên bởi đô thị.

## Tổ chuyên đề Trung tâm Cải cách, Phát triển các đô thị vừa và nhỏ Trung Quốc

Nguồn: T/C "Xây dựng đô thị và nông thôn"

TQ số 3/2012

ND: Hoàng Thế Vinh

## Phân tích về quản lý chất lượng thi công công trình xây dựng cao tầng thông qua thực tế công trình

Quản lý hiện trường thi công là nghiệp vụ có tác dụng quan trọng trong thi công công trình xây dựng, quyết định đến chất lượng và tiến độ công trình. Thông qua ví dụ thi công ở các công trình xây dựng nhà cao tầng và thực tiễn quản lý công trình nhiều năm của người viết, bài viết này phân tích đặc điểm quản lý hiện trường thi công, nêu ra sách lược bố trí thi công khả thi. Đồng thời, vận dụng sách lược điều tiết để quản lý chất lượng, tiến độ... hiện trường thi công công trình xây dựng, tổng kết kinh nghiệm hữu quan, cung cấp tài liệu tham khảo cho người quản lý công trình xây dựng.

### I. Bối cảnh của dự án xây dựng

Một dự án xây dựng bao gồm bốn tòa nhà độc lập và một tầng hầm, trong đó kết cấu chủ thể là công trình nhà ở cao tầng, số tầng xây dựng là 30 tầng, loại hình kết cấu bốn tòa nhà đơn thể là kết cấu tường chịu lực, mức độ an toàn kết cấu đạt cấp II, phân loại công trình xây dựng và cấp chịu lửa lần lượt đạt loại I và cấp I. Công trình có thể chịu được động đất cấp VI. Dự án là dự án xây dựng trọng điểm, thời gian khởi công đã xác định, thời gian thi công tương đối gấp.

### II. Bố trí thi công

Căn cứ vào thực tế thi công của dự án đòi hỏi kỹ thuật cao, ban quản lý dự án gồm các nhân viên giàu kinh nghiệm đã được thành lập, lựa chọn đơn vị thi công có năng lực với những thiết bị thi công tiên tiến. Trong giai đoạn chuẩn bị thi công đã quan tâm đến các mặt chủ yếu như thiết bị, nhân sự, công trình tạm, đường sá, vật liệu... Làm tốt công tác chuẩn bị trước khi thi công, đặc biệt là làm tốt việc kiểm tra thiết bị trước khi đưa chúng vào hiện trường thi công để bảo đảm cho chúng có thể sử dụng được ngay; nghiên cứu thi công vào mùa mưa, bố trí đưa máy móc thiết bị vào hiện trường thi công một cách hợp lý, áp dụng các biện pháp che mưa cho các máy móc thiết bị cơ điện. Qua thực tiễn bố trí thi công thành công ở hạng mục này, tôi tổng kết sách lược bố trí thi công như sau:

Nghiêm túc nghiên cứu và đề ra phương án thi công tổng thể thiết thực, khả thi các hạng mục công trình; tích cực áp dụng kỹ thuật thi công tiên tiến, hợp lý. Với mục tiêu bảo đảm an toàn, áp dụng phương pháp thi công “nhiều nhiệm vụ trên mặt đất”, giảm nhẹ áp lực do thời gian thi công gấp gáp.

Mọi biện pháp kỹ thuật thi công đều dựa trên cơ sở là yêu cầu chất lượng, an toàn và tiến độ thi công quy định trong hợp đồng đối với từng hạng mục công trình, bảo đảm tiến độ thi công của các giai đoạn hoàn thành đúng thời hạn, tạo điều cho các giai đoạn thi công liên tục với nhau, cân đối hài hoà với nhau. Đồng thời, để đảm bảo hoàn thành mục tiêu chung về tiến độ hoàn thành dự án, cần phải quan tâm đến toàn cục, phục tùng sự điều tiết chỉ đạo thống nhất của đơn vị giao thầu, xử lý tốt mối quan hệ giữa các công đoạn thi công, phát huy nội lực, xử lý ổn thoả mọi trục trặc trong thi công, hết sức cố gắng mang lại tiện ích cho người khác.

Thiết kế bố trí tổng thể thi công cần triệt để tận dụng các điều kiện mà đơn vị giao thầu cung cấp, căn cứ vào đặc điểm của thực tế địa phương để ra biện pháp thi công phù hợp, tiết kiệm đất xây dựng và bố trí hợp lý dưới tiền đề đáp ứng yêu cầu thi công.

Trong quá trình thi công, đồng thời bố trí thống nhất, lập kế hoạch hợp lý, tổ chức khoa học, cân đối tổng hợp nhân lực, vật tư, tiền vốn.

Sử dụng thiết bị đồng bộ tiên tiến, tổ chức thi công cơ giới hoá với cường độ cao, thiết bị thi công chủ yếu là máy móc nhập khẩu tính năng cao, phần còn lại được bổ sung bằng thiết bị tính năng cao sản xuất trong nước. Số lượng thiết bị cần phải đáp ứng cường độ thi công bình quân trong thời kỳ cao điểm và chú trọng có đủ một số lượng nhất định thiết bị với mọi kích cỡ khác nhau. Trong quá trình thi công, cần làm tốt công tác duy tu bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, bảo đảm công suất làm việc của thiết bị, bảo đảm hoàn thành công trình đúng tiến độ với chất lượng cao.

### III. Quản lý chất lượng

Quản lý chất lượng tại hiện trường thi công là khâu then chốt và bảo đảm cho chất lượng toàn bộ công trình. Vì vậy, ban quản lý dự án bố trí đội ngũ nhân viên quản lý chất lượng, chịu trách nhiệm quản lý và kiểm tra chất lượng các hạng mục, hình thành hệ thống quản lý chất lượng từ trên xuống dưới. Trong quá trình thi công, ban quản lý tổ chức các cuộc kiểm tra bất thường, bộ phận quản lý chất lượng thành lập các tổ kiểm tra, tiến hành nhiều lần kiểm tra và chỉ đạo kỹ thuật thi công các hạng mục công trình. Nếu kiểm tra thấy không đạt tiêu chuẩn, phải kịp thời sửa chữa, làm lại cho đến khi đạt yêu cầu mới thôi, bảo đảm hữu hiệu chất lượng công trình. Ngoài ra, dự án này còn được quản lý chất lượng ở các mặt như quản lý vật liệu, quản lý công đoạn thi công...

#### *Quản lý chất lượng vật liệu:*

Vì vật liệu là cơ sở vật chất đảm bảo cho chất lượng công trình, nên khi mua vật liệu cần áp dụng phương thức quản lý chặt chẽ chất lượng vật liệu và thiết bị thi công, yêu cầu công ty cung ứng vật liệu và thiết bị phải cung cấp mẫu hàng, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn xuất xưởng. Đồng thời, còn tiến hành thử nghiệm mẫu căn cứ vào văn bản nghiệm thu tương ứng; đối với các vật liệu có số liệu thử nghiệm đạt

tiêu chuẩn, chọn đơn vị cung ứng tốt nhất. Ngoài ra, đối với các vật liệu đưa vào hiện trường thi công, nhân viên quản lý thuộc ban quản lý dự án phải phối hợp với công ty cung cấp căn cứ theo tiêu chuẩn chất lượng từng loại, tiến hành thử nghiệm kiểm tra chặt chẽ và tăng cường công tác nghiệm thu khi đưa vật liệu vào hiện trường thi công, kiên quyết không nghiệm thu những sản phẩm và mẫu có chất lượng không đạt tiêu chuẩn.

*Quản lý chặt chẽ các công đoạn thi công tại hiện trường.*

Đối với mỗi công đoạn thi công tại hiện trường, phải tiến hành công tác trao đổi biện pháp kỹ thuật trước khi thi công, kiên trì thực hiện ba chế độ kiểm tra: tự kiểm tra, chuyên trách kiểm tra, kiểm tra khi bàn giao công đoạn, kiên trì nguyên tắc “nếu chất lượng thi công công đoạn trước không đạt tiêu chuẩn quy phạm thì không được thi công công đoạn sau”. Hễ phát hiện thấy vấn đề chất lượng xuất hiện ở trình tự bàn giao, người quản lý dự án phải truy cứu trách nhiệm nhân viên bàn giao; nếu quản lý dự án không truy cứu, công ty lập tức truy cứu trách nhiệm người quản lý dự án.

*Bảo đảm chất lượng công nghệ thi công tại hiện trường.*

Để bảo đảm chất lượng thi công công trình, nhân viên quản lý hiện trường thi công phải tiến hành quản lý chặt chẽ mọi khâu như lắp đặt cốt pha, cốt thép, thi công bê tông...

- Đối với vật liệu kết cấu như cốt thép... đòi hỏi phải có giấy chứng nhận xuất xưởng và báo cáo thử nghiệm do chuyên gia hoặc các ngành hữu quan cung cấp, tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên theo quy định của hồ sơ mời thầu và các quy phạm kỹ thuật.

- Sử dụng phương pháp đo lường và thiết bị đo lường tiên tiến để kiểm tra mẫu, giảm thiểu sai lầm hệ thống và xác suất sai lầm. Tất cả mọi số liệu đo lường đều phải được kiểm tra thông qua tác nghiệp trong phòng và tính toán ở hiện trường. Trong quá trình thi công, phải tuân thủ “Trình tự quản lý đo lường thi công”.

- Việc gia công cốt thép cần phải theo bản vẽ thiết kế và kết quả kiểm tra mẫu vật liệu. Sau khi gia công cốt thép, phải ghi chép số liệu, đánh số cẩn thận, tránh nhầm lẫn. Thi công cốt thép ở hiện trường phải tuân theo bản vẽ thi công và kết quả kiểm tra mẫu vật liệu. Đầu nối cốt thép phải được kiểm tra chất lượng vật liệu bằng phương thức tiên tiến, trước hết kiểm tra chất lượng các đầu nối tại hiện trường, công trình sư giám sát quản lý phê chuẩn số liệu thu được, sử dụng trong quá trình thi công tại hiện trường.

- Mọi nhân viên thao tác tại hiện trường phải được bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ và có giấy chứng nhận năng lực nhằm nâng cao chất lượng thi công cốt thép. Để đặt cốt thép chính xác, ban quản lý dự án áp dụng công nghệ tiên tiến tạo ra khung hộp, hàn chúng với thanh dọc, cố định vị trí tường và cốt thép.

- Làm tốt thiết kế cốt pha, kết hợp với điều kiện thi công của hạng mục công trình và tính đặc thù của công trình xây dựng, sử dụng cốt pha chắc chắn đáng tin cậy, thi công nhanh chóng, chất lượng tốt. Đối với các loại cốt pha, phải kiểm tra kích thước của cốt pha, độ bằng phẳng của bề mặt, độ sạch của bề mặt theo yêu cầu quy phạm và hồ sơ gọi thầu. Khi lắp đặt cốt pha, phải quản lý chặt chẽ chất lượng lắp đặt cốt pha.

- Ban quản lý dự án phải quản lý chất lượng thi công cấu kiện chôn ngầm. Đối với các cấu kiện chôn ngầm như đường ống, kết cấu kim loại, thiết bị đo đạc..., phải kiểm tra cẩn thận trước khi chôn. Khi chôn, phải gia cố chắc chắn và tăng cường bảo vệ. Trong quá trình rót bê tông, phải nghiêm chỉnh chấp hành phương án thi công đã được kỹ sư phê chuẩn, tránh làm di chuyển và làm tổn hại cấu kiện chôn sẵn trong quá trình rót bê tông.

- Trong quá trình thi công bê tông, phải kiểm tra và quản lý toàn diện chất lượng nguyên vật liệu sản xuất bê tông, tỷ lệ pha trộn..., không ngừng nâng cao chất lượng sản xuất bê tông.

#### **IV. Quản lý tiến độ**

Quản lý tiến độ luôn luôn là khâu được nhân

viên quản lý dự án quan tâm nhất. Kết hợp với tính đặc thù của tiến độ thi công công trình tương đối gấp, công trình này áp dụng các biện pháp tương ứng vào kỹ thuật thi công, thiết bị máy móc, vật liệu, quản lý kế hoạch...

Tổ chức quy trình thi công hợp lý, quan trọng nhất là làm tốt công tác tổ chức thi công. Trước đặc điểm của dự án này, ban quản lý dự án đã kịp thời tổ chức và điều động đội ngũ chuyên ngành thi công, lắp đặt cốt pha, làm cốt thép, rót bê tông... ở các phân khu khác nhau. Đặc biệt, cần phải làm tốt kế hoạch bố trí lao động trước khi thi công hạng mục đi vào thời kỳ cao điểm, kịp thời tổ chức nhân viên kỹ thuật, bố trí tác nghiệp hợp lý; làm tốt công tác phối hợp với các đội ngũ thi công khác, thúc đẩy các hạng mục lẻ cân đối với nhau, nâng cao chất lượng công trình, bảo đảm hữu hiệu tiến độ thực hiện công trình. Ngoài ra, để rút ngắn tiến độ xây dựng, ban quản lý còn quan tâm đến công

tác điều độ thi công, bố trí tối ưu hóa trình tự các công đoạn, nâng cao trình độ tác nghiệp đồng thời, có kế hoạch gối đầu các công việc khác nhau, lắp đặt điện nước, gia công cốt thép trước, bảo đảm đủ lượng sử dụng.

Ban quản lý dự án không ngừng ứng dụng kỹ thuật mới, công nghệ mới, triệt để phát huy ưu thế kỹ thuật, tổ chức chuyên gia giải quyết vấn đề kỹ thuật nảy sinh trong quá trình thi công. Đồng thời, tăng cường đầu tư mua thiết bị, sử dụng thiết bị máy móc tiên tiến của các nước trên thế giới; sử dụng các máy móc thi công chuyên dụng có tính năng hoàn hảo do trung tâm điều phối thiết bị của công ty lựa chọn thống nhất, bảo đảm chất lượng thi công tốt các công đoạn quan trọng.

**Từ Thiện Hải**

*Tạp chí "Xây dựng" số 10 năm 2012*

**Hoàng Thế Vinh**

## **Tìm hiểu kinh nghiệm công tác quy hoạch sinh thái của nước ngoài**

Mặc dù trên thế giới đã có không ít quốc gia và khu vực đã và đang triển khai xây dựng theo mô hình sinh thái, nhưng mô hình và nội dung phát triển đô thị sinh thái ở những quốc gia đó lại không giống nhau. Nguyên nhân là bởi các quốc gia này có môi trường khí hậu, vị trí địa lý, giai đoạn phát triển... khác nhau. Tuy về mục tiêu và phương hướng phát triển đô thị sinh thái giữa họ có thể có được sự đồng thuận, nhưng về định nghĩa cụ thể và nội dung có liên quan và phát triển đô thị sinh thái, giữa các nước này lại rất khó đạt được sự đồng thuận. Do đó, đến nay đô thị sinh thái là gì? Điều này không ai có thể định nghĩa một cách rõ ràng và thống nhất. Bài viết này nói về tình hình, quy hoạch đô thị sinh thái ở một số nước, đồng thời, dựa trên cơ sở này phân tích những vấn đề chính còn tồn tại trong công tác xây dựng đô thị sinh thái.

### **I. Xây dựng đô thị sinh thái ở nước Anh**

#### **1. Tiêu chuẩn và mô hình phát triển đô thị sinh thái**

Việc xây dựng đô thị sinh thái ở nước Anh được tham khảo dựa trên mô hình phát triển và xây dựng đô thị mới của Anh. Cơ quan chủ quản quy hoạch thuộc Chính quyền trung ương của nước Anh đã cho rằng để xây dựng đô thị sinh thái phải căn cứ vào "Luật Đô thị mới" năm 1981 của nước Anh, tại điều 1 trong Luật này, Chính phủ nước Anh cũng đã nêu rõ định nghĩa về đô thị sinh thái, đô thị sinh thái nhất thiết phải là một đô thị mới.

Để xây dựng và quy hoạch đô thị sinh thái, đặc biệt là để giúp các cơ quan chủ quản quy hoạch tại địa phương trong công tác chỉ đạo và các nhà phát triển lập quy hoạch đô thị sinh thái đạt hiệu quả, Chính phủ nước Anh còn lập ra tiêu chuẩn quy hoạch và xây dựng đô thị sinh thái, bao gồm những nội dung cụ thể như sau:



1.1. Đô thị sinh thái nhất thiết phải là một khu định cư mới (đô thị mới), mỗi một đô thị sinh thái ít nhất phải có từ 5.000 – 10.000 hộ gia đình sinh sống. Mục tiêu phát triển của đô thị mới là xây dựng và phát triển đô thị không phát thải khí cacbon.

1.2. Toàn bộ quy trình phát triển phải luôn tuân thủ mục tiêu “không phát thải”, mỗi một đô thị sinh thái đều phải duy trì ít nhất một lĩnh vực cụ thể nào đó về môi trường.

1.3. Mỗi một đô thị sinh thái đều phải có cửa hàng bán lẻ với quy mô vừa, trung tâm mua bán, khu buôn bán chất lượng cao và khu vui chơi.

1.4. Trong tất cả các khu dân cư đô thị ở nước Anh, loại nhà ở giá rẻ (loại nhà ở dành cho người có thu nhập thấp) phải chiếm từ 30%-50%; diện tích lớn nhỏ của nhà ở phải phù hợp, kiểu dáng đa dạng, có thể đáp ứng mọi nhu cầu khác nhau của người dân.

1.5. Thiết lập một cơ cấu quản lý hiệu quả và có trách nhiệm đối với đô thị sinh thái, có trách nhiệm trong công tác quản lý xây dựng và phát triển đô thị sinh thái, cung cấp các loại dịch vụ cho người dân đô thị và cộng đồng.

Chính phủ nước Anh còn quy định: Đô thị sinh thái nhất thiết phải được các chuyên gia thiết kế một cách hoàn hảo và kiến trúc phải có sức hút, có dịch vụ tốt và cơ sở hạ tầng phải đáp ứng với cuộc sống của người dân; trung tâm của đô thị liên kết chặt chẽ và hài hòa với các khu vực xung quanh. Với đô thị có tính chất độc đáo phải được thiết kế một cách chỉnh thể, các ngành kinh doanh, dịch vụ, nhà ở... trong toàn bộ đô thị phải được xây dựng và phát triển theo mô hình không phát thải cacbon. Chính phủ nước Anh mong muốn thông qua thực tiễn xây dựng và quy hoạch đô thị sinh thái, tiếp thu những kinh nghiệm về lĩnh vực này, để có thể hướng dẫn các khu vực trong nước Anh thực hiện xây dựng và phát triển đô thị sinh thái.

## **2. Chính sách quy hoạch đô thị sinh thái**

Do hệ thống quy hoạch của nước Anh chỉ cụ

thể về yêu cầu chính sách, nhưng chưa có quy định cụ thể về khía cạnh kỹ thuật. Nên trong quy hoạch và xây dựng đô thị sinh thái, cũng không có quy định cụ thể về khía cạnh kỹ thuật. Do đó, việc lập quy hoạch đã có cả một không gian rộng lớn để tự do phát huy, Chính phủ cho phép các khu vực nằm trong lãnh thổ nước Anh, căn cứ vào tình hình thực tế của khu vực mình, tự lập quy hoạch. Mặc dù có tính linh hoạt trong quy hoạch, nhưng mặt khác lại có tính không xác định. Tuy nhiên, trong phương án quy hoạch và phát triển đô thị sinh thái ở nước Anh, về mặt chính sách vẫn yêu cầu phải thật cụ thể. Nội dung mang tính toàn diện, cụ thể bao gồm:

*Vấn đề môi trường và phát thải:* Thông qua việc lựa chọn kỹ thuật mới, phủ kín toàn phạm vi nước Anh bằng hệ thống năng lượng tái tạo, thực hiện đầy đủ việc sử dụng năng lượng tái tạo, đưa hệ thống năng lượng tái tạo vào trong từng hộ gia đình, trường học, nhà hàng, văn phòng làm việc cho đến các cơ sở xã hội. Thông qua hệ thống vận hành này, thực hiện mô hình không phát thải; đồng thời, khuyến khích lối sống không phá thải, đặc biệt là giảm tối đa các phương tiện giao thông tạo ra khí phát thải làm ảnh hưởng môi trường; thay đổi thói quen sử dụng nguồn nước sạch một cách lãng phí, yêu cầu mỗi một hộ gia đình và các cơ quan đều phải thực hiện các pháp tiết kiệm nước.

*Vấn đề thiết kế cụ thể:* Cho dù là nhà ở để bán hay nhà ở cho thuê, cho dù là xây dựng phục vụ cho mục đích kinh doanh hay các chức năng xã hội cũng đều phải đạt chất lượng cao về thiết kế xây dựng; cho dù là đường phố, khu vực công cộng, công viên hay không gian công cộng đều phải đạt trình độ cao về thiết kế đô thị. Mục tiêu thiết kế quy hoạch đô thị sinh thái là có thể giảm ít nhất 50% đối với loại ô tô nhỏ. Đồng thời, Ủy ban kiến trúc và môi trường xây dựng còn lập ra “Quy định xây dựng vì sinh mạng” và “Nguyên tắc thiết kế đường phố”, để ra tiêu chuẩn thiết kế cho đô thị, việc làm này

có hiệu quả trong công tác chỉ đạo giảm phát thải giao thông thông qua việc xây dựng và phát triển đô thị sinh thái. Trong nội dung thiết kế và kiểm soát nhất thiết phải bao gồm cả công tác quản lý quy hoạch đô thị sinh thái trong tương lai gần, giám sát dài hạn, chỉ đạo phát triển và xây dựng đô thị sinh thái.

**Vấn đề giao thông:** Lập quy hoạch giao thông cho toàn bộ khu vực, nâng cao tỉ lệ đường đi bộ, đường dành riêng cho xe đạp và đường dành cho các phương tiện giao thông công cộng, coi đây là mục tiêu để phát triển toàn bộ đô thị sinh thái. Để thực hiện mục tiêu này, việc quy hoạch đối với mỗi khu dân cư và tiêu chuẩn đối với mỗi vị trí phải được quy định cụ thể:

2.1. Khoảng cách để đến được các trạm giao thông công chỉ mất 10 phút đi bộ.

2.2. Cơ sở dịch vụ cộng đồng cho các vùng lân cận, bao gồm cơ sở y tế, trung tâm xã hội, các cửa hàng nhỏ... .

Trong quá trình quy hoạch toàn bộ bố cục hạ tầng đô thị sinh thái, yêu cầu người dân cố gắng giảm việc sử dụng ô tô loại nhỏ xuống mức tối đa.

**Vấn đề nhà ở:** Trước tiên phải căn cứ vào tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của nước Anh để tiến hành xây dựng, yêu cầu trong nhà phải lắp đặt hệ thống giám sát năng lượng, hệ thống cung cấp thông tin về giao thông và mạng internet tốc độ cao. Vật liệu xây dựng nhất thiết phải đạt tiêu chuẩn cao và có tính năng tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, cần có tầm nhìn tới năm 2016, sẽ có những yêu cầu cao hơn đối với tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng. Yêu cầu cụ thể bao gồm: thông qua công tác tiết kiệm năng lượng, tạo ra nguồn năng lượng không phát thải tại địa phương; thông qua hệ thống sưởi ấm không phát thải khí, trên cơ sở tiêu chuẩn xây dựng hiện có, thực hiện giảm ít nhất 70% lượng khí phát thải. Một yêu cầu cụ thể khác đối với công tác xây dựng nhà ở đó là cung cấp không dưới 30% số lượng nhà ở giá rẻ

và nhà ở xã hội cho thuê.

**Vấn đề không gian màu xanh đối với cơ sở hạ tầng:** Yêu cầu 40% tổng diện tích đô thị sinh thái là không gian xanh. Yêu cầu không gian xanh phải đa chức năng, đa dạng, như có thể phục vụ để trồng rừng, trồng ở những vùng đất ngập nước, trồng ở quảng trường đô thị, hay có thể tạo không gian xanh ở những khu vui chơi và giải trí, có thể dùng làm rải phân cách cho người đi bộ, người đi xe đạp... Hơn nữa, cây xanh còn làm mát đô thị và điều tiết nguồn nước, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và dùng để sản xuất thực phẩm cho địa phương, do đó cho phép và khuyến khích địa phương trồng các loại cây. Trong quá trình phát triển và xây dựng phải xem xét tới sự phát triển trong tương lai, giải quyết và cải thiện chất lượng nước; nắm bắt được chiến lược tuần hoàn nước; yêu cầu việc phát triển và xây dựng đô thị sinh thái không làm ảnh hưởng tới bề mặt nước và mạch nước ngầm, không làm ô nhiễm chất lượng nguồn nước.

**Vấn đề quản lý rủi ro lũ lụt:** Vị trí, bố cục và xây dựng đô thị sinh thái phải ở vị trí cao hoặc hạn chế bị thiên tai lũ lụt. Quy hoạch đô thị sinh thái phải giải quyết được các vấn đề lũ lụt luôn thường trực làm ảnh hưởng tới khu vực và ảnh hưởng tới các khu vực khác.

**Vấn đề xử lý rác thải:** Quy hoạch đô thị sinh thái nhất thiết phải định hướng vào mục tiêu và tiêu chuẩn năm 2020, mọi công tác phát triển và xây dựng đều phải thông qua mục tiêu thiết kế quy hoạch; Xử lý rác thải trong khu vực phải xét tới việc làm sao để tạo ra nhiên liệu đốt, nhiệt năng và điện từ nguồn rác thải.

## **II. Xây dựng đô thị sinh thái tại Bắc Cữu Châu (Kitakyushu) - Nhật Bản.**

Bắc Cữu Châu là một đơn vị hành chính cấp hạt và là thành phố công nghiệp quan trọng của Nhật Bản, với diện tích là 486,1 km<sup>2</sup>, nằm ở phía Bắc khu vực Cữu Châu. Ngành chế tạo và sản xuất thép là 2 ngành chủ đạo phát triển ở thành phố này. Ngành sản xuất thép đã góp

phần không nhỏ cho sự phát triển của Nhật Bản, nhưng cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường.

Dựa vào những nghiên cứu của các cơ quan có liên quan, đầu những năm 50 - 70 của thế kỷ 20, là giai đoạn kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng. Nhưng sau những năm 70, do sự cạnh tranh khốc liệt của ngành công nghiệp thép trên thế giới, ngành thép của Nhật Bản bắt đầu có dấu hiệu suy yếu dần. Tuy nhiên, do ngành sản xuất thép và ngành chế tạo sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng tới môi trường, nên cho dù các ngành này có suy yếu nhưng không phải sự ô nhiễm của nó cũng suy yếu theo hay biến mất, trái lại mức độ ảnh hưởng của hai ngành này còn gây ô nhiễm ở khắp mọi nơi trong khu vực Bắc Cữu Châu, đâu đâu cũng thấy rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt, nước biển cũng bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Để giải quyết vấn đề này, khôi phục lại môi trường trong lành, sạch đẹp cho Bắc Cữu Châu như trước đây, đồng thời thực hiện chuyển đổi mô hình kinh tế và công nghiệp ở Bắc Cữu Châu. Năm 1997, Bắc Cữu Châu là thành phố đầu tiên được Chính phủ Nhật Bản đưa vào danh sách thực hiện dự án đô thị sinh thái, để giúp chính quyền địa phương thực hiện được dự án này, chính phủ Nhật Bản đã hỗ trợ ngân sách cùng với mục tiêu mở rộng phát triển và sử dụng kỹ thuật tái chế bằng công nghệ cao.

Chính sách cụ thể trong việc xây dựng đô thị sinh thái Bắc Cữu Châu là thực hiện theo biện pháp: giảm phát thải, tái chế và sử dụng tuần hoàn. Toàn bộ quá trình này được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 1997 – 2002. Trong giai đoạn này chủ yếu là thực hiện theo phương châm “Sử dụng tuần hoàn”.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2002 đến năm 2010. Trong giai đoạn này chủ yếu là “Tái chế”.

Do Nhật Bản là quốc gia có diện tích lãnh thổ và nguồn tài nguyên hạn hẹp, nên nguồn năng lượng không đáp ứng đủ cho sự phát triển

kinh tế và quỹ đất cũng không đủ để áp dụng phương pháp chôn lấp rác thải lâu dài được, do đó, để giảm bớt lượng rác thải, thực hiện sử dụng tuần hoàn rác thải là nhiệm vụ quan trọng của một đô thị sinh thái. Mục đích của đô thị sinh thái Bắc Cữu Châu là thông qua việc tái chế rác thải, biến rác thải thành nguyên vật liệu. Từ đây, Bắc Cữu Châu đã xác định được mục tiêu để phát triển đô thị sinh thái đó là: thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường/ phát triển và đổi mới ngành công nghiệp tái chế, đưa nền kinh tế tuần hoàn và ngành công nghiệp tái chế trở thành ngành công nghiệp mới của thành phố Bắc Cữu Châu; thông qua cơ quan nghiên cứu, chính quyền địa phương và người tiêu dùng tăng cường sự hợp tác chặt chẽ với người dân địa phương, thiết lập một xã hội tuần hoàn.

Trong quá trình thực hiện xây dựng đô thị sinh thái, thông qua sự hợp tác của các bên có liên quan, thực hiện mục tiêu phát triển đô thị sinh thái. Các bên có liên quan bao gồm: Chính quyền địa phương, tổ chức nghiên cứu và người dân đô thị.

Chính quyền địa phương: Chính quyền thành phố Bắc Cữu Châu có vai trò như sau trong quá trình xây dựng đô thị sinh thái:

- Cung cấp phần cứng đó là cơ sở hạ tầng và các hạ tầng công cộng khác, bao gồm cấp thoát nước, đường giao thông và đất...

- Cung cấp phần mềm đó là hỗ trợ ngân sách và nguồn nhân lực.

- Cung cấp dịch vụ một cửa: cải cách thủ tục hành chính.

Thông qua việc học tập và học hỏi kinh nghiệm về phương pháp phân loại rác thải tại các đô thị khác, tổ chức triển lãm, hội nghị nhằm giới thiệu cho người dân, đồng thời tạo cơ hội nghiên cứu cho các tổ chức nghiên cứu.

Mục tiêu của các tổ chức nghiên cứu là hợp tác với giới công nghiệp, giới học thuật và chính quyền, triển khai nghiên cứu các lĩnh vực công tác quản lý rác thải, sử dụng tuần hoàn và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm... đồng thời mở rộng

kỹ thuật và nhận thức có liên quan.

Người tiêu dùng và người dân địa phương là những người tích cực tham gia vào công tác xây dựng đô thị sinh thái. “Trung tâm đô thị sinh thái” của Bắc Cửu Châu là cơ sở hạ tầng công cộng độc đáo, cũng là nơi người dân trong khu vực giao lưu và trao đổi, đồng thời cũng là khu trung tâm để khách du lịch tham quan. Mục tiêu xây dựng trung tâm này là để người dân trong khu vực càng hiểu rõ hơn về đô thị sinh thái.

Chính quyền còn phải thành lập Ủy ban Bắc Cửu Châu. Mục đích chủ yếu của Ủy ban này là xem xét bằng cách nào giảm tối đa và sử dụng tuần hoàn nguồn rác thải. Trong Ủy ban này, người dân đô thị sẽ đóng vai trò tích cực.

Họ sẽ tổ chức và các hoạt động và triển lãm liên quan tới việc bảo vệ môi trường, còn tổ chức du lịch “Không phát thải”, qua đó giới thiệu cách phân loại và xử lý rác thải, để người dân hiểu được những mục tiêu và yêu cầu phát triển đô thị sinh thái, để mỗi người dân tự ý thức được tầm quan trọng của việc giảm lượng rác thải và bảo vệ môi trường./.

**Vu Lập**

*(Chủ nhiệm Trung tâm nghiên cứu Quốc tế  
và quy hoạch Trường đại học Cardiff)*

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và Nông  
thôn Trung Quốc số 7/ 2012*

**ND: Bích Ngọc**

# Hội thảo “Báo cáo kết quả thực hiện Dự án tăng cường năng lực quản lý hợp đồng xây dựng & Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 48/2010/NĐ-CP”

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2012



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo